

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
đường tỉnh 505	KX	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"	E-48-20-A-a		
suối Ba Thang	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 23' 54"	105° 35' 28"	19° 26' 33"	105° 35' 46"	E-48-20-A-a		
núi Bái Bép	SV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 27' 35"	105° 31' 44"					E-48-20-A-a		
Khe Bò	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 24' 35"	105° 34' 36"	19° 23' 54"	105° 35' 28"	E-48-20-A-a		
thôn Bò Lăn	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 23' 45"	105° 34' 55"					E-48-20-A-a		
Khe Chè	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 25' 32"	105° 34' 30"	19° 24' 23"	105° 35' 42"	E-48-20-A-a		
khe Đá Mài	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 29' 51"	105° 34' 52"	19° 29' 56"	105° 35' 53"	E-48-8-C-c, E-48-20-A-a		
Suối Dấu	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 26' 43"	105° 34' 26"	19° 28' 03"	105° 35' 42"	E-48-20-A-a		
Núi Đền	SV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 26' 30"	105° 32' 20"					E-48-20-A-a		
thôn Đồng Dề	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 28' 43"	105° 26' 14"					E-48-20-A-a		
thôn Đồng Lám	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 29' 21"	105° 36' 22"					E-48-20-A-a		
Suối Giang	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 30' 40"	105° 33' 36"	19° 29' 17"	105° 31' 22"	E-48-8-C-c, E-48-20-A-a		
núi Hòn Chùa	SV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 29' 49"	105° 36' 11"					E-48-20-A-a		
thôn Khả La	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 30' 05"	105° 39' 17"					E-48-20-A-a		
thôn Khe Cát	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 28' 35"	105° 33' 22"					E-48-20-A-a		
Khe Lương	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 22' 47"	105° 36' 00"	19° 23' 54"	105° 35' 28"	E-48-20-A-c, E-48-20-A-a		
suối Máy Lu	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 30' 02"	105° 34' 23"	19° 27' 39"	105° 32' 17"	E-48-8-C-c, E-48-20-A-a		
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-a		
thôn Tân Hùng	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 25' 00"	105° 36' 07"					E-48-20-A-a		
thôn Tân Mỹ	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 30' 15"	105° 36' 04"					E-48-20-A-a		
thôn Tân Quang	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 27' 59"	105° 33' 50"					E-48-20-A-a		
thôn Tân Thành	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 28' 17"	105° 35' 20"					E-48-20-A-a		
thôn Tân Tiến	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 28' 26"	105° 35' 58"					E-48-20-A-a		
thôn Tân Vinh	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 27' 06"	105° 33' 28"					E-48-20-A-a		
thôn Thanh Quang	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 27' 13"	105° 33' 00"					E-48-20-A-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Thanh Vinh	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 26' 20"	105° 33' 32"						E-48-20-A-a	
thôn Thanh Xuân	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 28' 11"	105° 34' 48"						E-48-20-A-a	
thôn Tiên Tiến	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 26' 42"	105° 35' 42"						E-48-20-A-a	
suối Tờ Lờng	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 27' 39"	105° 32' 17"	19° 27' 12"	105° 32' 02"		E-48-20-A-a	
Khe Trỏ	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh			19° 26' 33"	105° 35' 46"	19° 28' 03"	105° 35' 46"		E-48-20-A-a	
thôn Trung Tiến	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 25' 40"	105° 36' 03"						E-48-20-A-a	
Núi Voi	SV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 30' 31"	105° 34' 41"						E-48-8-C-c	
thôn Vườn Dầu	DC	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 27' 39"	105° 35' 06"						E-48-20-A-a	
hồ Yên Mỹ	TV	xã Thanh Tân	H. Như Thanh	19° 29' 02"	105° 38' 46"						E-48-20-A-a	
kênh C6	TV	xã Xuân Du	H. Như Thanh			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"		E-48-8-A-c	
Làng Các	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 47' 19"	105° 33' 44"						E-48-8-A-c	
Làng Chén	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 29"	105° 34' 01"						E-48-8-A-c	
Làng Chùa	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 47' 32"	105° 33' 22"						E-48-8-A-c	
hồ Đồng Bể	TV	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 45' 25"	105° 32' 13"						E-48-8-A-c	
làng Đồng Bún	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 45' 17"	105° 31' 39"						E-48-8-A-c	
khe Đồng Eo	TV	xã Xuân Du	H. Như Thanh			19° 45' 21"	105° 33' 11"	19° 45' 28"	105° 32' 38"		E-48-8-A-c	
làng Đồng Phú	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 47' 23"	105° 34' 27"						E-48-8-A-c	
làng Giang Khê	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 47' 05"	105° 33' 01"						E-48-8-A-c	
Làng Hới	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 03"	105° 32' 25"						E-48-8-A-c	
Làng Lâu	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 22"	105° 33' 24"						E-48-8-A-c	
Làng Mĩ	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 32"	105° 33' 16"						E-48-8-A-c	
Núi Nura	SV	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 45' 15"	105° 33' 47"						E-48-8-A-c	
chùa Phủ Na	KX	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 45' 51"	105° 33' 14"						E-48-8-A-c	
Làng Sen	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 22"	105° 32' 56"						E-48-8-A-c	
làng Tân Lập	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 45"	105° 34' 30"						E-48-8-A-c	
làng Trung Vạo	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 47' 24"	105° 34' 01"						E-48-8-A-c	
làng Trường Sơn	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 34"	105° 34' 12"						E-48-8-A-c	
làng Xuân Hùng	DC	xã Xuân Du	H. Như Thanh	19° 46' 24"	105° 33' 47"						E-48-8-A-c	
quốc lộ 45	KX	xã Xuân Khang	H. Như Thanh			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"		E-48-8-C-a, E-48-7-D-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Bến Ván	TV	xã Xuân Khang	H. Như Thanh			19° 41' 29"	105° 31' 07"	19° 40' 35"	105° 31' 33"	E-48-8-C-a		
suối Đồng Hơ	TV	xã Xuân Khang	H. Như Thanh			19° 40' 55"	105° 28' 48"	19° 38' 32"	105° 34' 27"	E-48-8-C-a, E-48-7-D-b		
thôn Đồng Hơ	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 40' 35"	105° 31' 12"					E-48-8-C-a		
thôn Đồng Mưa	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 41' 12"	105° 29' 53"					E-48-7-D-b		
thôn Phương Xuân	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 41' 44"	105° 31' 04"					E-48-8-C-a		
thôn Trạch Khang	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 41' 02"	105° 31' 32"					E-48-8-C-a		
Dốc Trầu	SV	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 41' 08"	105° 28' 30"					E-48-7-D-b		
thôn Xuân Cường	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 39' 47"	105° 33' 14"					E-48-8-C-a		
thôn Xuân Hoà	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 41' 31"	105° 31' 03"					E-48-8-C-a		
thôn Xuân Hưng	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 39' 28"	105° 32' 59"					E-48-8-C-a		
thôn Xuân Lộc	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 40' 34"	105° 31' 52"					E-48-8-C-a		
thôn Xuân Sinh	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 39' 34"	105° 32' 49"					E-48-8-C-a		
thôn Xuân Thành	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 40' 12"	105° 32' 31"					E-48-8-C-a		
thôn Xuân Tiến	DC	xã Xuân Khang	H. Như Thanh	19° 40' 21"	105° 30' 47"					E-48-8-C-a		
thôn 1	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 34' 39"	105° 35' 31"					E-48-8-C-c		
thôn 2	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 34' 43"	105° 34' 59"					E-48-8-C-c		
thôn 3	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 03"	105° 35' 02"					E-48-8-C-c		
thôn 4	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 15"	105° 35' 35"					E-48-8-C-c		
thôn 5	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 40"	105° 34' 48"					E-48-8-C-c		
thôn 6	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 51"	105° 34' 48"					E-48-8-C-c		
thôn 7	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 58"	105° 34' 34"					E-48-8-C-c		
thôn 8	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 36' 05"	105° 35' 28"					E-48-8-C-c		
thôn 9	DC	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 25"	105° 34' 52"					E-48-8-C-c		
Suối Cóm	TV	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh			19° 30' 46"	105° 34' 39"	19° 34' 53"	105° 37' 11"	E-48-8-C-c		
Dốc Cúc	SV	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 34' 52"	105° 33' 40"					E-48-8-C-c		
núi Đầu Lợn	SV	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 37"	105° 33' 16"					E-48-8-C-c		
núi Đồng Mươi	SV	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 36' 10"	105° 35' 13"					E-48-8-C-c		
Núi Lum	SV	xã Xuân Phúc	H. Như Thanh	19° 35' 36"	105° 35' 51"					E-48-8-C-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Ao Ràng	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 32' 43"	105° 31' 41"					E-48-8-C-c
thôn Áp Cũ	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 32' 22"	105° 32' 20"					E-48-8-C-c
thôn Ba Bái	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 31' 55"	105° 29' 38"					E-48-7-D-d
thôn Cây Nghĩa	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 32' 46"	105° 32' 06"					E-48-8-C-c
thôn Cốc 1	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 31' 51"	105° 30' 43"					E-48-8-C-c
thôn Cốc 2	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 32' 01"	105° 31' 05"					E-48-8-C-c
Dốc Cục	SV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 34' 52"	105° 33' 40"					E-48-8-C-c
núi Đầu Lợn	SV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 35' 37"	105° 33' 16"					E-48-8-C-c
thôn Đồng Lườn	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 33' 33"	105° 31' 59"					E-48-8-C-c
suối Đồng Thỏ	TV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh			19° 32' 53"	105° 28' 37"	19° 33' 21"	105° 30' 15"	E-48-7-D-d, E-48-8-C-c
Suối Giang	TV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh			19° 30' 40"	105° 33' 36"	19° 29' 17"	105° 31' 22"	E-48-8-C-c, E-48-20-A-a
Sông Hận	TV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 32' 34"	105° 31' 19"					E-48-7-D-d
thôn Làng Lũng	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 31' 05"	105° 26' 49"					E-48-7-D-d
núi Nậm Dặc	SV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-20-A-a
đường Nghi Sơn/Bãi Trảnh	KX	xã Xuân Thái	H. Như Thanh			19° 31' 14"	105° 32' 06"	19° 33' 21"	105° 30' 15"	E-48-7-D-d, E-48-8-C-c, E-48-19-B-b
Suối Quảng	TV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh			19° 30' 39"	105° 29' 31"			E-48-7-D-d
thôn Quảng Đại	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 36' 23"	105° 31' 12"					E-48-7-D-d, E-48-8-C-c
hồ Sông Mực	TV	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 29' 05"	105° 31' 05"					E-48-20-A-a
thôn Thanh Xuân	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 34' 42"	105° 32' 13"					E-48-8-C-c
thôn Yên Khang	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 29' 52"	105° 30' 25"					E-48-20-A-a
thôn Yên Vinh	DC	xã Xuân Thái	H. Như Thanh	19° 46' 33"	105° 27' 47"					E-48-7-B-d
thôn 5	DC	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 45' 15"	105° 29' 20"					E-48-7-B-d
thôn 6	DC	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"	E-48-8-C-a, E-48-7-B-d
đường tỉnh 514	KX	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 47' 39"	105° 26' 22"					E-48-7-B-d
núi Bờ Ban	SV	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh							E-48-7-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Chanh	DC	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 45' 57"	105° 28' 30"					E-48-7-B-d
Suối Dài	TV	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh			19° 44' 46"	105° 29' 13"	19° 45' 06"	105° 25' 25"	E-48-7-D-b, E-48-7-D-b
Thôn Đông	DC	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 46' 33"	105° 29' 02"					E-48-7-B-d
Núi Khau	SV	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 44' 43"	105° 28' 57"					E-48-7-D-b
Dốc Lù	SV	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 46' 41"	105° 29' 02"					E-48-7-B-d
thôn Mố 1	DC	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 44' 58"	105° 28' 08"					E-48-7-D-b
thôn Mố 2	DC	xã Xuân Thọ	H. Như Thanh	19° 45' 37"	105° 27' 43"					E-48-7-B-d
thôn Ao Mè	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 31' 40"	105° 37' 51"					E-48-8-C-d
hồ Ao Sen	TV	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 32' 57"	105° 37' 48"					E-48-8-C-d
thôn Ba Cồn	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 32' 02"	105° 38' 23"			19° 30' 37"	105° 40' 58"	E-48-8-C-d
khe Cổ Ngựa	TV	xã Yên Lạc	H. Như Thanh			105° 36' 01"				E-48-8-C-c
núi Dốc Sạn	SV	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 30' 58"	105° 38' 19"					E-48-8-C-d
thôn Đồng Trung	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 32' 44"	105° 37' 59"					E-48-8-C-c
thôn Đồng Yên	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 32' 46"	105° 37' 59"					E-48-8-C-c
hồ Khe Lau	TV	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 32' 21"	105° 37' 44"					E-48-8-C-c
hồ Khe Tre	TV	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 30' 36"	105° 36' 43"					E-48-8-C-d
thôn Mỹ Lạc	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 31' 27"	105° 38' 28"					E-48-8-C-d
thôn Tân Long	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 31' 05"	105° 38' 14"					E-48-8-C-d
thôn Tân Tiến	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 30' 58"	105° 37' 58"					E-48-8-C-c
thôn Tân Xuân	DC	xã Yên Lạc	H. Như Thanh	19° 30' 48"	105° 37' 17"					E-48-8-C-c
kênh Bắc Sông Mực	TV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh			19° 37' 43"	105° 35' 56"	19° 50' 59"	105° 36' 24"	E-48-8-C-a
Suối Chạm	TV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh			19° 34' 53"	105° 37' 11"	19° 36' 18"	105° 40' 05"	E-48-8-C-c, E-48-8-C-d
thôn Chấm Khê	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 40"	105° 37' 19"					E-48-8-C-c
thôn Chợ Mới	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 36' 17"	105° 35' 56"					E-48-8-C-c
Suối Cóm	TV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh			19° 30' 46"	105° 34' 39"	19° 34' 53"	105° 37' 11"	E-48-8-C-c
thôn Cự Thịnh	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 36' 27"	105° 36' 07"					E-48-8-C-c
núi Đồng Mươi	SV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 36' 10"	105° 35' 13"					E-48-8-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Hợp Thịnh	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 53"	105° 36' 33"						E-48-8-C-c	
thôn Hùng Sơn	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 34' 57"	105° 36' 32"						E-48-8-C-c	
Núi Lùm	SV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 36"	105° 35' 51"						E-48-8-C-c	
thôn Minh Thịnh	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 57"	105° 36' 12"						E-48-8-C-c	
Sông Mực	TV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"		E-48-8-C-a	
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Yên Thọ	H. Như Thanh			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"		E-48-8-C-a, E-48-8-C-c	
thôn Quần Thọ	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 37' 24"	105° 35' 31"						E-48-8-C-c	
thôn Tân Hùng	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 34' 42"	105° 36' 54"						E-48-8-C-c	
thôn Tân Thịnh	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 36' 14"	105° 36' 07"						E-48-8-C-c	
thôn Tân Thọ	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 36' 55"	105° 35' 45"						E-48-8-C-c	
thôn Thống Nhất	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 03"	105° 37' 12"						E-48-8-C-c	
thôn Xuân Thịnh	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 39"	105° 36' 22"						E-48-8-C-c	
thôn Xuân Thọ	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 36' 36"	105° 35' 38"						E-48-8-C-c	
thôn Yên Trung	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 38' 13"	105° 36' 00"						E-48-8-C-a	
thôn Yên Xuân	DC	xã Yên Thọ	H. Như Thanh	19° 35' 15"	105° 36' 18"						E-48-8-C-c	
khu phố 1	DC	T.T. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 40' 01"	105° 26' 00"						E-48-7-D-b	
khu phố 2	DC	T.T. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 40' 02"	105° 26' 24"						E-48-7-D-b	
khu phố 3	DC	T.T. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 40' 10"	105° 26' 10"						E-48-7-D-b	
khu phố 4	DC	T.T. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 39' 54"	105° 25' 44"						E-48-7-D-b	
quốc lộ 45	KX	T.T. Yên Cát	H. Như Xuân			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"		E-48-7-D-b	
núi Đá Lèn	SV	T.T. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 39' 31"	105° 26' 42"						E-48-7-D-b	
đường Hồ Chí Minh	KX	T.T. Yên Cát	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"		E-48-7-D-b	
Thôn Lũng	DC	T.T. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 40' 11"	105° 25' 48"						E-48-7-D-b	
thôn Thảng Bình	DC	T.T. Yên Cát	H. Như Xuân	19° 39' 50"	105° 27' 00"						E-48-7-D-b	
thôn 1	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 16"	105° 26' 28"						E-48-19-B-b	
thôn 3	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 31"	105° 26' 02"						E-48-19-B-b	
thôn 6	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 42"	105° 24' 25"						E-48-19-B-b	
thôn 10	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 48"	105° 23' 46"						E-48-19-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Bao Chè	SV	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 29' 16"	105° 24' 54"					E-48-19-B-b
Thôn Cầu	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 12"	105° 26' 17"					E-48-19-B-b
thôn Chối Tròn	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 27' 34"	105° 26' 39"					E-48-19-B-b
Thôn Hồ	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 08"	105° 26' 30"					E-48-19-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Bãi Trành	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-19-B-b
Thôn Má	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 27' 38"	105° 23' 38"					E-48-19-B-b
Thôn Me	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 27' 39"	105° 26' 42"					E-48-19-B-b
Núi Mơ	SV	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 02"	105° 26' 53"					E-48-19-B-b
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Bãi Trành	H. Như Xuân			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-19-B-b
thôn Nhà Máy	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 27"	105° 26' 38"					E-48-19-B-b
thôn Vật Tư	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 28' 36"	105° 26' 20"					E-48-19-B-b
thôn Xuân Khánh	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 27' 48"	105° 26' 24"					E-48-19-B-b
thôn Xuân Phúc	DC	xã Bãi Trành	H. Như Xuân	19° 27' 54"	105° 26' 52"					E-48-19-B-b
núi Bao Khê	SV	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 34' 35"	105° 27' 32"					E-48-7-D-d
Đốc Bươn	SV	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 37' 45"	105° 26' 37"					E-48-7-D-b
Đồi Chu	SV	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 37' 51"	105° 27' 50"					E-48-7-D-b
núi Đá Lèn	SV	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 39' 31"	105° 26' 42"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Cẩn	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 38' 28"	105° 27' 21"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Chèo	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 38' 08"	105° 26' 49"					E-48-7-D-b
thôn Đồng Thổ	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 37' 40"	105° 26' 17"					E-48-7-D-b
Sông Hận	TV	xã Bình Lương	H. Như Xuân			19° 33' 13"	105° 27' 29"	19° 34' 09"	105° 28' 59"	E-48-7-D-d
thôn Hợp Thành	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 36' 46"	105° 27' 26"					E-48-7-D-d
thôn Làng Gió	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 38' 55"	105° 26' 12"					E-48-7-D-b
thôn Làng Lườn	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 39' 18"	105° 25' 35"					E-48-7-D-b
thôn Làng Mài	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 36' 16"	105° 28' 20"					E-48-7-D-d
thôn Làng Sao	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 38' 35"	105° 26' 48"					E-48-7-D-b
thôn Quang Trung	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 39' 32"	105° 26' 10"					E-48-7-D-b
hồ Sông Mực	TV	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 36' 23"	105° 31' 12"					E-48-7-D-d, E-48-8-C-c
thôn Thắng Lọc	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 38' 54"	105° 26' 52"					E-48-7-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng							Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ		
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)		
Dốc Trục	SV	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 38' 43"	105° 27' 47"					E-48-7-D-b	
thôn Xuân Lương	DC	xã Bình Lương	H. Như Xuân	19° 36' 24"	105° 27' 47"					E-48-7-D-d	
thôn Cát Lợi	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 41' 37"	105° 23' 44"					E-48-7-D-b	
thôn Cát Thịnh	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 42' 44"	105° 22' 01"					E-48-7-D-a	
thôn Cát Xuân	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 41' 02"	105° 24' 35"					E-48-7-D-b	
thôn Phụ Vân	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 42' 40"	105° 22' 49"					E-48-7-D-b	
thôn Tân Lợi	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 41' 50"	105° 23' 38"					E-48-7-D-b	
thôn Tân Thanh	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 40' 43"	105° 23' 37"					E-48-7-D-b	
thôn Tân Xuân	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 41' 33"	105° 24' 18"					E-48-7-D-b	
thôn Thanh Vân	DC	xã Cát Tân	H. Như Xuân	19° 40' 56"	105° 23' 31"					E-48-7-D-b	
Sông Xanh	TV	xã Cát Tân	H. Như Xuân			19° 43' 42"	105° 22' 41"	19° 43' 45"	105° 26' 12"	E-48-7-D-b	
thôn Vân Bình	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 50"	105° 22' 41"					E-48-7-D-b	
thôn Vân Hoà	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 02"	105° 22' 58"					E-48-7-D-b	
thôn Vân Phúc	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 08"	105° 20' 51"					E-48-7-D-a	
thôn Vân Sơn	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 12"	105° 22' 15"					E-48-7-D-a	
thôn Vân Thành	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 05"	105° 22' 07"					E-48-7-D-a	
thôn Vân Thọ	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 27"	105° 22' 34"					E-48-7-D-b	
thôn Vân Thương	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 18"	105° 22' 47"					E-48-7-D-a	
thôn Vân Thượng	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 40' 39"	105° 22' 07"					E-48-7-D-b	
thôn Vân Tiến	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 42' 04"	105° 20' 49"					E-48-7-D-a	
thôn Vân Trung	DC	xã Cát Vân	H. Như Xuân	19° 41' 42"	105° 21' 47"					E-48-7-D-a	
thôn Đồng Quan	DC	xã Hoá Quý	H. Như Xuân	19° 40' 07"	105° 23' 02"					E-48-7-D-b	
thôn Đồng Tâm	DC	xã Hoá Quý	H. Như Xuân	19° 40' 12"	105° 23' 32"					E-48-7-D-b	
thôn Đồng Xuân	DC	xã Hoá Quý	H. Như Xuân	19° 38' 36"	105° 24' 25"					E-48-7-D-b	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Hoá Quý	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-D-b	
thôn Liên Hiệp	DC	xã Hoá Quý	H. Như Xuân	19° 39' 05"	105° 23' 41"					E-48-7-D-b	
thôn Luống Đồng	DC	xã Hoá Quý	H. Như Xuân	19° 37' 35"	105° 24' 42"					E-48-7-D-b	
thôn Quảng Hợp	DC	xã Hoá Quý	H. Như Xuân	19° 38' 21"	105° 24' 32"					E-48-7-D-b	
Suối Quyền	TV	xã Hoá Quý	H. Như Xuân			19° 38' 01"	105° 24' 11"	19° 35' 32"	105° 20' 35"	E-48-7-D-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tân Thịnh	DC	xã Hoà Quý	H. Như Xuân	19° 38' 33"	105° 24' 04"					E-48-7-D-b
thôn Thanh Lương	DC	xã Hoà Quý	H. Như Xuân	19° 37' 20"	105° 25' 35"					E-48-7-D-d
thôn Thanh Tân	DC	xã Hoà Quý	H. Như Xuân	19° 38' 45"	105° 24' 42"					E-48-7-D-b
thôn Thanh Xuân	DC	xã Hoà Quý	H. Như Xuân	19° 38' 03"	105° 24' 33"					E-48-7-D-b
thôn Thịnh Lạc	DC	xã Hoà Quý	H. Như Xuân	19° 38' 48"	105° 23' 32"					E-48-7-D-b
thôn Xóm Đon	DC	xã Hoà Quý	H. Như Xuân	19° 39' 09"	105° 23' 25"					E-48-7-D-b
thôn Xuân Đàm	DC	xã Hoà Quý	H. Như Xuân	19° 36' 12"	105° 25' 12"					E-48-7-D-b
Đồi Chu	SV	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 37' 51"	105° 27' 50"					E-48-7-D-b
thôn Đức Bình	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 38' 40"	105° 30' 11"					E-48-8-C-a
thôn Làng Lung	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 37' 40"	105° 28' 26"					E-48-7-D-b
thôn Mai Thắng	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 38' 20"	105° 28' 23"					E-48-7-D-b
thôn Rộc Nái	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 38' 15"	105° 30' 36"					E-48-8-C-a
thôn Sơn Bình	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 39' 08"	105° 30' 25"					E-48-8-C-a
thôn Sơn Thủy	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 38' 13"	105° 29' 17"					E-48-7-D-b
hồ Sông Mực	TV	xã Tân Bình	H. Như Xuân							E-48-7-D-(b,d), E-48-8-C-(a,c)
				19° 36' 23"	105° 31' 12"					
thôn Tân Lập	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 38' 40"	105° 28' 34"					E-48-7-D-b
thôn Tân Sơn	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 40' 11"	105° 28' 16"					E-48-7-D-b
thôn Tân Thắng	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 39' 10"	105° 28' 52"					E-48-7-D-b
thôn Tân Thành	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 39' 04"	105° 29' 42"					E-48-7-D-b
thôn Thanh Bình	DC	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 39' 04"	105° 29' 42"					E-48-7-D-b
hồ Trại Cáo	TV	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 39' 25"	105° 28' 08"					E-48-7-D-b
Dốc Trục	SV	xã Tân Bình	H. Như Xuân	19° 38' 43"	105° 27' 47"					E-48-7-D-b
Trại giam C4	KX	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 37' 03"	105° 19' 37"					E-48-7-D-c
Sông Chàng	TV	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân			19° 42' 44"	105° 10' 19"	19° 31' 14"	105° 16' 23"	E-48-7-D-c
Sông Hiếu	TV	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân			19° 31' 12"	105° 16' 19"	19° 28' 37"	105° 17' 31"	E-48-7-D-c
thôn Làng Bai	DC	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 37' 40"	105° 17' 57"					E-48-7-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Làng Cống	DC	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 37' 33"	105° 18' 31"							E-48-7-D-a
Núi Nay	SV	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 35' 55"	105° 19' 08"							E-48-7-D-c
Sông Quyền	TV	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân			19° 38' 01"	105° 24' 11"	19° 35' 32"	105° 20' 35"			E-48-7-D-c
thôn Tân Hiệp	DC	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 37' 29"	105° 18' 21"							E-48-7-D-c
thôn Tân Hoà	DC	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 37' 01"	105° 19' 02"							E-48-7-D-c
thôn Tân Thành	DC	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 37' 54"	105° 18' 10"							E-48-7-D-a
thôn Thanh Sơn	DC	xã Thanh Hoà	H. Như Xuân	19° 35' 16"	105° 19' 10"							E-48-7-D-c
Sông Chàng	TV	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân			19° 42' 44"	105° 10' 19"	19° 31' 14"	105° 16' 23"			E-48-7-D-a, E-48-7-D-c
thôn Đoàn Trung	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 38' 05"	105° 20' 46"							E-48-7-D-a
thôn Làng Chảo	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 39' 29"	105° 17' 53"							E-48-7-D-a
thôn Làng Cọc	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 38' 59"	105° 18' 47"							E-48-7-D-a
thôn Làng Kèn	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 39' 21"	105° 18' 32"							E-48-7-D-a
thôn Làng Kha	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 38' 18"	105° 19' 01"							E-48-7-D-a
thôn Làng Lồng	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 38' 57"	105° 18' 26"							E-48-7-D-a
thôn Làng Lự	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 39' 57"	105° 17' 49"							E-48-7-D-a
thôn Làng Rẫy	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 39' 40"	105° 18' 08"							E-48-7-D-a
thôn Làng Xăm	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 38' 37"	105° 19' 19"							E-48-7-D-a
thôn Làng Xáng	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 40' 11"	105° 17' 10"							E-48-7-D-a
thôn Ngọc Thanh	DC	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 38' 04"	105° 19' 58"							E-48-7-D-a
Núi Vĩnh	SV	xã Thanh Lâm	H. Như Xuân	19° 37' 19"	105° 21' 40"							E-48-7-D-c
Sông Chàng	TV	xã Thanh Phong	H. Như Xuân			19° 42' 44"	105° 10' 19"	19° 31' 14"	105° 16' 23"			E-48-7-D-a, E-48-7-C
thôn Chạng Vung	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 38' 32"	105° 17' 27"							E-48-7-D-a
thôn Đồng Bàn	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 40' 21"	105° 15' 31"							E-48-7-D-a
thôn Hai Huân	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 39' 37"	105° 16' 12"							E-48-7-D-a
thôn Làng Mèn	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 39' 18"	105° 16' 53"							E-48-7-D-a
thôn Ná Húng	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 40' 27"	105° 14' 58"							E-48-7-D-a
thôn Quang Hùng	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 40' 15"	105° 15' 20"							E-48-7-D-a
thôn Tân Hùng	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 40' 13"	105° 14' 35"							E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tân Phong	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 39' 11"	105° 16' 40"					E-48-7-D-a
núi Tền Quan	SV	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 38' 59"	105° 13' 19"					E-48-7-C
Thôn Vung	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 38' 42"	105° 17' 06"					E-48-7-D-a
thôn Xuân Phong	DC	xã Thanh Phong	H. Như Xuân	19° 38' 49"	105° 16' 44"					E-48-7-D-a
Núi Cầu	SV	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 40' 04"	105° 12' 04"					E-48-7-C
Sông Chàng	TV	xã Thanh Quan	H. Như Xuân			19° 42' 44"	105° 10' 19"	19° 31' 14"	105° 16' 23"	E-48-7-C
thôn Chiềng Cà 1	DC	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 41' 32"	105° 12' 36"					E-48-7-C
thôn Chiềng Cà 2	DC	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 41' 31"	105° 12' 22"					E-48-7-C
Núi Cốc	SV	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 39' 23"	105° 12' 50"					E-48-7-C
thôn Kê Lạn	DC	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 42' 01"	105° 13' 11"					E-48-7-C
Bù Kha	SV	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 40' 56"	105° 10' 48"					E-48-7-C
thôn Làng Trung	DC	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 42' 09"	105° 11' 20"					E-48-7-C
thôn Lâu Quán	DC	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 40' 53"	105° 14' 06"					E-48-7-C
thôn Ná Cà 1	DC	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 41' 19"	105° 13' 16"					E-48-7-C
thôn Ná Cà 2	DC	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 41' 33"	105° 13' 34"					E-48-7-C
Suối Quán	TV	xã Thanh Quan	H. Như Xuân			19° 42' 36"	105° 16' 12"	19° 41' 45"	105° 13' 12"	E-48-7-C
thôn Thanh Hương	DC	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 42' 05"	105° 12' 43"					E-48-7-C
thôn Thanh Nhân	DC	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 41' 06"	105° 13' 41"					E-48-7-C
thôn Thanh Tân	DC	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 41' 42"	105° 12' 00"					E-48-7-C
thôn Thanh Tiến	DC	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 42' 24"	105° 12' 04"					E-48-7-C
thôn Thống Nhất	DC	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 42' 03"	105° 11' 42"					E-48-7-C
Bù Tôn	SV	xã Thanh Quan	H. Như Xuân	19° 41' 05"	105° 09' 50"					E-48-7-C
Suối Tôn	TV	xã Thanh Quan	H. Như Xuân			19° 41' 51"	105° 10' 34"	19° 42' 13"	105° 11' 42"	E-48-7-C
thôn Đồng Chàng	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 28"	105° 14' 45"					E-48-7-D-a
thôn Đồng Sán	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 23"	105° 15' 24"					E-48-7-D-a
thôn Hón Tĩnh	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 44' 03"	105° 15' 28"					E-48-7-D-a
thôn Kê Mạnh 1	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 21"	105° 13' 30"					E-48-7-C
thôn Kê Mạnh 2	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 28"	105° 13' 59"					E-48-7-C
thôn Kê Xui	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 28"	105° 14' 20"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
thôn Làng Mới	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 12"	105° 14' 57"						E-48-7-D-a	
thôn Ná Cọ	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 15"	105° 15' 59"						E-48-7-D-a	
Suối Quẩn	TV	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân			19° 42' 36"	105° 16' 12"	19° 41' 45"	105° 13' 12"		E-48-7-D-a, E-48-7-C	
thôn Quẩn 1	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 08"	105° 14' 35"						E-48-7-C	
thôn Quẩn 2	DC	xã Thanh Sơn	H. Như Xuân	19° 42' 18"	105° 14' 21"						E-48-7-C	
Sông Chàng	TV	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân			19° 42' 44"	105° 10' 19"	19° 31' 14"	105° 16' 23"		E-48-7-D-a	
thôn Đồng Phổng	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 41' 43"	105° 19' 41"						E-48-7-D-a	
thôn Lâm Chính	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 42' 03"	105° 18' 29"						E-48-7-D-a	
thôn Lâm Chính	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 42' 00"	105° 19' 08"						E-48-7-D-a	
núi Mỏ Mỏ	SV	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 41' 39"	105° 17' 38"						E-48-7-D-a	
thôn Thanh Bình	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 41' 36"	105° 20' 10"						E-48-7-D-a	
thôn Thanh Đồng	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 42' 43"	105° 18' 18"						E-48-7-D-a	
thôn Thanh Thuỷ	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 40' 36"	105° 16' 37"						E-48-7-D-a	
thôn Thanh Tiến	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân	19° 42' 12"	105° 17' 13"						E-48-7-D-a	
thôn Xuân Hoà	DC	xã Thanh Xuân	H. Như Xuân			19° 50' 09"	105° 38' 42"	19° 52' 28"	105° 27' 45"		E-48-7-D-b	
đường tỉnh 514	KX	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân			19° 41' 32"	105° 27' 34"	19° 43' 45"	105° 26' 12"		E-48-7-D-b	
sông Bền Mới	TV	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân								E-48-7-D-b	
thôn Bền Ván	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 55"	105° 25' 42"						E-48-7-D-b	
Sông Đản	TV	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân			19° 43' 45"	105° 26' 12"	19° 52' 34"	105° 21' 32"		E-48-7-B-d, E-48-7-D-b	
thôn Đồng Chánh	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 51"	105° 25' 16"						E-48-7-D-b	
thôn Đồng Hà	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 50"	105° 24' 34"						E-48-7-D-b	
núi Đồng Huân	SV	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 43' 16"	105° 29' 33"						E-48-7-D-b	
thôn Đồng Minh	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 40"	105° 26' 10"						E-48-7-D-b	
thôn Đồng Ngán	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 43' 09"	105° 28' 05"						E-48-7-D-b	
núi Đồng Nồng	SV	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 44' 10"	105° 24' 19"						E-48-7-D-b	
thôn Đồng Sông	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 20"	105° 25' 57"						E-48-7-D-b	
thôn Đồng Tâm	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 43' 29"	105° 25' 34"						E-48-7-D-b	
thôn Đồng Thanh	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 15"	105° 26' 10"						E-48-7-D-b	
thôn Đồng Xuân	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 53"	105° 26' 31"						E-48-7-D-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Đức Thắng	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 28"	105° 26' 35"					E-48-7-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-D-b
thôn Khe Khoai	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 43' 30"	105° 27' 21"					E-48-7-D-b
thôn Minh Đức	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 05"	105° 27' 04"					E-48-7-D-b
thôn Sông Xanh	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 42' 51"	105° 25' 51"					E-48-7-D-b
thôn Tiến Thành	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 44' 24"	105° 24' 55"					E-48-7-D-b
Sông Xanh	TV	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân			19° 43' 42"	105° 22' 41"	19° 43' 45"	105° 26' 12"	E-48-7-D-b
thôn Xuân Phú	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 43' 51"	105° 26' 24"					E-48-7-D-b
thôn Xuân Thượng	DC	xã Thượng Ninh	H. Như Xuân	19° 43' 19"	105° 26' 13"					E-48-7-D-b
thôn 4	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 28' 13"	105° 27' 43"					E-48-19-B-b
thôn 5	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 27' 49"	105° 28' 19"					E-48-19-B-b
thôn 7	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 28' 54"	105° 29' 13"					E-48-19-B-b
thôn 9	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 28' 27"	105° 28' 39"					E-48-19-B-b
thôn 12	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 27' 57"	105° 28' 44"					E-48-19-B-b
thôn 13	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 27' 55"	105° 29' 24"					E-48-19-B-b
núi Bao Chè	SV	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 29' 16"	105° 24' 54"					E-48-19-B-b
hồ Đồng Cản	TV	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 29' 09"	105° 27' 43"					E-48-19-B-b
Thôn Hào	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 27' 17"	105° 27' 14"					E-48-19-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Xuân Bình	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-19-B-b
thôn Hùng Tiến	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 28' 42"	105° 27' 29"					E-48-19-B-b
Thôn Mít	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 27' 39"	105° 27' 22"					E-48-19-B-b
Thôn Mơ	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 28' 39"	105° 26' 46"					E-48-19-B-b
núi Nậm Dạc	SV	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 31' 05"	105° 26' 49"					E-48-7-D-d
đường Nghi Sơn/Bãi Trảnh	KX	xã Xuân Bình	H. Như Xuân			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"	E-48-19-B-b
Thôn Sim	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 28' 58"	105° 26' 29"					E-48-19-B-b
thôn Xuân Hợp	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 29' 05"	105° 27' 14"					E-48-19-B-b
thôn Xuân Phú	DC	xã Xuân Bình	H. Như Xuân	19° 29' 20"	105° 26' 38"					E-48-19-B-b
Trại giam số 1	KX	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 34' 47"	105° 21' 58"					E-48-7-D-c
thôn 8	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 21"	105° 24' 00"					E-48-7-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Bao Mái	SV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 30' 13"	105° 22' 26"							E-48-7-D-c
núi Bao Tré	SV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 29' 16"	105° 24' 54"							E-48-19-B-b
Suối Chai	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân			19° 32' 47"	105° 19' 57"	19° 31' 56"	105° 20' 17"			E-48-7-D-c
núi Đá Chai	SV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 35"	105° 21' 22"							E-48-7-D-c
thôn Đồng Trinh	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 30' 14"	105° 24' 11"							E-48-7-D-d
Thôn Giảng	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 31' 57"	105° 23' 38"							E-48-7-D-d
Sông Hiếu	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân			19° 31' 12"	105° 16' 19"	19° 28' 37"	105° 17' 31"			E-48-19-B-a, E-48-7-D-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"			E-48-7-D-d
hồ Khe Hương	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 15"	105° 24' 04"							E-48-7-D-d
hồ Khe Mộc	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 57"	105° 23' 42"							E-48-7-D-d
Núi Liệt	SV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 25"	105° 19' 16"							E-48-7-D-c
núi Nậm Dạc	SV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 31' 05"	105° 26' 49"							E-48-7-D-d
Thôn Nghiêu	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 10"	105° 23' 24"							E-48-7-D-d
Thôn Ngòi	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 30"	105° 23' 31"							E-48-7-D-d
Thôn Ó	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 31' 51"	105° 23' 24"							E-48-7-D-d
Sông Quyền	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân			19° 38' 01"	105° 24' 11"	19° 35' 32"	105° 20' 35"			E-48-7-D-c
Suối Sĩa	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân			19° 31' 07"	105° 25' 01"	19° 34' 51"	105° 23' 38"			E-48-7-D-d
Suối Tông	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân			19° 30' 52"	105° 14' 45"	19° 28' 37"	105° 17' 31"			E-48-19-B-a, E-48-7-D-c
hồ Trại 1	TV	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 34' 45"	105° 22' 34"							E-48-7-D-c, E-48-7-D-d
thôn Xuân Thành	DC	xã Xuân Hoà	H. Như Xuân	19° 32' 21"	105° 23' 20"							E-48-7-D-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Xuân Quý	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"			E-48-7-D-d
thôn Làng Quyền	DC	xã Xuân Quý	H. Như Xuân	19° 37' 00"	105° 23' 06"							E-48-7-D-d
Sông Quyền	TV	xã Xuân Quý	H. Như Xuân			19° 38' 01"	105° 24' 11"	19° 35' 32"	105° 20' 35"			E-48-7-D-b, E-48-7-D-c, E-48-7-D-d
thôn Tân Thành	DC	xã Xuân Quý	H. Như Xuân	19° 36' 01"	105° 22' 34"							E-48-7-D-d
thôn Thanh Hương	DC	xã Xuân Quý	H. Như Xuân	19° 36' 58"	105° 22' 37"							E-48-7-D-d
thôn Thanh Xuân	DC	xã Xuân Quý	H. Như Xuân	19° 36' 53"	105° 21' 53"							E-48-7-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Vành	SV	xã Xuân Quý	H. Như Xuân	19° 37' 19"	105° 21' 40"							E-48-7-D-c
thôn Xóm Chuối	DC	xã Xuân Quý	H. Như Xuân	19° 37' 13"	105° 23' 12"							E-48-7-D-d
thôn Xuân Hương	DC	xã Xuân Quý	H. Như Xuân	19° 37' 03"	105° 22' 26"							E-48-7-D-c
thôn Xuân Thành	DC	xã Xuân Quý	H. Như Xuân	19° 36' 50"	105° 23' 40"							E-48-7-D-c
quốc lộ 45	KX	xã Yên Lễ	H. Như Xuân			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"			E-48-7-D-b
núi Ba Đất	SV	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 13"	105° 24' 48"							E-48-7-D-b
Dốc Bích	SV	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 54"	105° 26' 15"							E-48-7-D-b
thôn Cát Tiến	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 48"	105° 27' 32"							E-48-7-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Yên Lễ	H. Như Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"			E-48-7-D-b
thôn Mỹ Ré	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 11"	105° 26' 39"							E-48-7-D-b
thôn Phú Lễ	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 41' 51"	105° 27' 41"							E-48-7-D-b
Thôn Quế	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 41' 49"	105° 27' 07"							E-48-7-D-b
thôn Thảng Sơn	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 41' 01"	105° 25' 34"							E-48-7-D-b
thôn Thanh Yên	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 18"	105° 26' 31"							E-48-7-D-b
Dốc Trầu	SV	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 41' 08"	105° 28' 30"							E-48-7-D-b
thôn Trung Thành	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 41' 08"	105° 25' 03"							E-48-7-D-b
thôn Xuân Chính	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 39' 27"	105° 25' 08"							E-48-7-D-b
thôn Yên Phú	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 41' 23"	105° 26' 52"							E-48-7-D-b
thôn Yên Thắng	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 31"	105° 25' 26"							E-48-7-D-b
thôn Yên Thịnh	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 39' 50"	105° 25' 15"							E-48-7-D-b
thôn Yên Xuân	DC	xã Yên Lễ	H. Như Xuân	19° 40' 04"	105° 24' 43"							E-48-7-D-b
quốc lộ 45	KX	TT. Nông Cống	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"			E-48-8-C-b, E-48-8-C-d
đường tỉnh 505	KX	TT. Nông Cống	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"			E-48-8-C-d, E-48-8-C-b
tiểu khu Minh Tân	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 37' 46"	105° 38' 49"							E-48-8-C-b
tiểu khu Bắc Giang	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 38' 01"	105° 39' 15"							E-48-8-C-b
tiểu khu Đông Hoà	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 37' 21"	105° 38' 54"							E-48-8-C-d
tiểu khu Hợp Nhất	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 37' 33"	105° 38' 40"							E-48-8-C-b
Sông Mực	TV	TT. Nông Cống	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"			E-48-8-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	Vĩ độ (Độ,phút,giây)	Kinh độ (Độ,phút,giây)	
tiểu khu Nam Giang	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 37' 30"	105° 39' 01"							E-48-8-C-d
tiểu khu Nam Tiến	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 37' 24"	105° 38' 43"							E-48-8-C-d
tiểu khu Xuân Hoà	DC	TT. Nông Cống	H. Nông Cống	19° 37' 20"	105° 38' 46"							E-48-8-C-d
đường tỉnh 505	KX	xã Công Bình	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"			E-48-8-C-d, E-48-20-A-a
khe Cổ Ngựa	TV	xã Công Bình	H. Nông Cống			19° 30' 37"	105° 36' 53"	19° 31' 32"	105° 40' 58"			E-48-8-C-d
núi Hòn Nhén	SV	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 06"	105° 36' 57"							E-48-8-C-c
hồ Khe Tre	TV	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 36"	105° 36' 43"							E-48-8-C-c
thôn Mỹ Hưng	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 35"	105° 38' 12"							E-48-8-C-d
Thôn Ná	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 29' 54"	105° 37' 59"							E-48-20-A-b
thôn Ôn Lâm 1	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 08"	105° 37' 52"							E-48-8-C-d
thôn Ôn Lâm 2	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 26"	105° 37' 19"							E-48-8-C-c
thôn Phú Đa	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 29"	105° 38' 01"							E-48-8-C-d
thôn Tân Bình	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 46"	105° 39' 18"			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Công Bình	H. Nông Cống									E-48-8-C-d
thôn Yên Hoà	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 38"	105° 39' 45"							E-48-8-C-d
thôn Yên Lai	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 41"	105° 40' 27"							E-48-8-C-d
thôn Yên Năm 1	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 54"	105° 40' 48"							E-48-8-C-d
thôn Yên Năm 2	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 20"	105° 41' 02"							E-48-8-C-d
thôn Yên Năm 3	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 31' 09"	105° 40' 39"							E-48-8-C-d
thôn Yên Ninh	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 33"	105° 39' 28"							E-48-8-C-d
thôn Yên Phú	DC	xã Công Bình	H. Nông Cống	19° 30' 17"	105° 38' 32"							E-48-8-C-d
thôn 327	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 09"	105° 39' 19"							E-48-8-C-d
đường tỉnh 505	KX	xã Công Chính	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"			E-48-8-C-d
đường tỉnh 512	KX	xã Công Chính	H. Nông Cống			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 55"			E-48-8-C-d, E-48-8-D-c
khe Cổ Ngựa	TV	xã Công Chính	H. Nông Cống			19° 30' 37"	105° 36' 53"	19° 31' 32"	105° 40' 58"			E-48-8-C-d
thôn Giải Trại	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 15"	105° 38' 56"							E-48-8-C-d
thôn Hoà Giáo	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 29"	105° 39' 45"							E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Hoà Luật	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 18"	105° 39' 25"						E-48-8-C-d	
thôn Hoà Trung	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 59"	105° 39' 12"						E-48-8-C-d	
thôn Hồng Thái	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 35"	105° 40' 50"						E-48-8-C-d	
thôn Long Thắng	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 33"	105° 39' 53"						E-48-8-C-d	
thôn Mỹ Tân	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 03"	105° 39' 44"						E-48-8-C-d	
thôn Mỹ Tiến	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 30' 55"	105° 40' 00"						E-48-8-C-d	
thôn Rọc Năn	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 31"	105° 39' 01"						E-48-8-C-d	
hồ Rọc Phường	TV	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 07"	105° 40' 34"						E-48-8-C-d	
thôn Tân Chính	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 56"	105° 39' 50"						E-48-8-C-d	
thôn Tân Luật	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 15"	105° 40' 11"						E-48-8-C-d	
thôn Thái Sơn 1	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 52"	105° 40' 06"						E-48-8-C-d	
thôn Thái Sơn 2	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 51"	105° 40' 27"						E-48-8-C-d	
thôn Thái Yên	DC	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 31' 52"	105° 40' 26"						E-48-8-C-d	
sông Thị Long	TV	xã Công Chính	H. Nông Cống			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"		E-48-8-C-d	
Núi Voi	SV	xã Công Chính	H. Nông Cống	19° 32' 53"	105° 40' 33"						E-48-8-C-d	
đường tỉnh 505	KX	xã Công Liêm	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"		E-48-8-C-d	
thôn Đoài Đạo	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 34' 20"	105° 38' 41"						E-48-8-C-d	
thôn Cự Phú	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 32' 55"	105° 38' 55"						E-48-8-C-d	
thôn Đồng Trung	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 06"	105° 38' 07"						E-48-8-C-d	
thôn Hậu Áng	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 34' 16"	105° 39' 17"						E-48-8-C-d	
thôn Hậu Sơn	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 54"	105° 38' 50"						E-48-8-C-d	
thôn Lộc Tuy	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 34' 04"	105° 39' 29"						E-48-8-C-d	
kênh Nam Sông Mục	TV	xã Công Liêm	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"		E-48-8-C-d	
thôn Phú Đa	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 44"	105° 40' 08"						E-48-8-C-d	
thôn Phú Sơn	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 21"	105° 39' 09"						E-48-8-C-d	
Hồ Sen	TV	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 34' 06"	105° 38' 17"						E-48-8-C-d	
hồ Sơn Thành	TV	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 20"	105° 38' 20"						E-48-8-C-d	
thôn Sơn Thành	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 34' 04"	105° 40' 38"						E-48-8-C-d	
thôn Tân Kỳ	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 16"	105° 39' 46"						E-48-8-C-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thượng Sơn	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 41"	105° 39' 11"					E-48-8-C-d
Thôn Trầu	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 51"	105° 39' 26"					E-48-8-C-d
thôn Trung Sơn	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 30"	105° 39' 07"					E-48-8-C-d
thôn Tuy Yên	DC	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 33' 58"	105° 39' 33"					E-48-8-C-d
Núi Voi	SV	xã Công Liêm	H. Nông Cống	19° 32' 53"	105° 40' 33"					E-48-8-C-d
quốc lộ 45	KX	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b
thôn Cao Hậu	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 42' 12"	105° 42' 29"					E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 39' 45"	105° 44' 04"	E-48-8-C-b
thôn Kim Sơn	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 43' 20"	105° 42' 24"					E-48-8-C-b
thôn Ngọc Tháp	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 42' 20"	105° 43' 06"					E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-C-b
thôn Phú Huệ	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 42' 31"	105° 42' 46"					E-48-8-C-b
Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Thanh Hoá	KX	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 43' 47"	105° 42' 19"					E-48-8-C-b
thôn Tháp Lĩnh	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 42' 13"	105° 42' 46"					E-48-8-C-b
thôn Văn Đồi	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 42' 54"	105° 42' 50"					E-48-8-C-b
ga Yên Thái	KX	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 43' 09"	105° 42' 20"					E-48-8-C-b
thôn Yên Thái	DC	xã Hoàng Giang	H. Nông Cống	19° 43' 06"	105° 42' 11"					E-48-8-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b
Núi Chùa	SV	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống	19° 44' 13"	105° 40' 50"					E-48-8-C-b
thôn Hồi Cù	DC	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống	19° 43' 01"	105° 41' 44"					E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-C-b
thôn Nham Cát	DC	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống	19° 44' 33"	105° 41' 13"					E-48-8-C-b
thôn Phú Quý	DC	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống	19° 42' 33"	105° 41' 46"					E-48-8-C-b
thôn Thanh Liêm	DC	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống	19° 42' 58"	105° 41' 22"					E-48-8-C-b
thôn Yên Mỗ	DC	xã Hoàng Sơn	H. Nông Cống	19° 43' 20"	105° 41' 09"					E-48-8-C-b
ga Minh Khôi	KX	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 02"	105° 42' 01"					E-48-8-C-b
thôn Cồn Vàng	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 39"	105° 42' 35"					E-48-8-C-b
thôn Cộng Hoà	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 42"	105° 42' 15"					E-48-8-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
Sông Mực	TV	xã Minh Khôi	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-b, E-48-8-C-d		
thôn Sài Thôn	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 37' 47"	105° 42' 27"					E-48-8-C-b		
thôn Tân Hoà	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 32"	105° 41' 57"					E-48-8-C-b		
thôn Tân Thắng	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 39' 10"	105° 41' 42"					E-48-8-C-b		
thôn Thống Nhất 1	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 19"	105° 41' 50"					E-48-8-C-b		
thôn Thống Nhất 2	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 04"	105° 41' 41"					E-48-8-C-b		
thôn Thống Nhất 3	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 15"	105° 41' 35"					E-48-8-C-b		
thôn Tiên Lược	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 38' 21"	105° 42' 13"					E-48-8-C-b		
thôn Trường Loan	DC	xã Minh Khôi	H. Nông Cống	19° 39' 07"	105° 42' 26"					E-48-8-C-b		
Sông Yên	TV	xã Minh Khôi	H. Nông Cống			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-C-b		
thôn Bình Minh	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 38' 16"	105° 40' 47"					E-48-8-C-b		
Núi Chay	TV	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 39' 32"	105° 41' 29"					E-48-8-C-b		
Sông Lim	TV	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống			19° 39' 30"	105° 39' 50"	19° 38' 09"	105° 40' 12"	E-48-8-C-b		
thôn Minh Châu	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 37' 39"	105° 40' 41"					E-48-8-C-d		
thôn Minh Quang	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 37' 53"	105° 41' 14"					E-48-8-C-b		
thôn Minh Sơn	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 39' 17"	105° 41' 25"					E-48-8-C-b		
thôn Minh Thành	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 38' 50"	105° 41' 27"					E-48-8-C-b		
thôn Minh Tiên	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 37' 08"	105° 40' 53"					E-48-8-C-d		
thôn Minh Trường	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 37' 28"	105° 41' 10"					E-48-8-C-d		
thôn Minh Xuân	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 38' 57"	105° 41' 03"					E-48-8-C-b		
Sông Mực	TV	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-b, E-48-8-C-d		
thôn Thanh Bình	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 38' 13"	105° 40' 34"					E-48-8-C-b		
thôn Thanh Minh	DC	xã Minh Nghĩa	H. Nông Cống	19° 38' 26"	105° 40' 28"					E-48-8-C-b		
thôn Lê Xá 1	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 38' 00"	105° 39' 30"					E-48-8-C-b		
thôn Lê Xá 2	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 37' 21"	105° 40' 13"					E-48-8-C-d		
Sông Lim	TV	xã Minh Thọ	H. Nông Cống			19° 39' 30"	105° 39' 50"	19° 38' 09"	105° 40' 12"	E-48-8-C-b		
Hồ Mơ	TV	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 39' 46"	105° 38' 46"					E-48-8-C-b		
Sông Nhom	TV	xã Minh Thọ	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu				Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
kênh N8	TV	xã Minh Thọ	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"	E-48-8-C-b		
thôn Tập Cát 2	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 38' 17"	105° 38' 54"					E-48-8-C-b		
thôn Tập Cát 3	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 38' 05"	105° 38' 52"					E-48-8-C-b		
thôn Thái Hoà 1	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 38' 46"	105° 39' 36"					E-48-8-C-b		
thôn Thái Hoà 2	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 38' 35"	105° 39' 28"					E-48-8-C-b		
thôn Vũ Yên 2	DC	xã Minh Thọ	H. Nông Cống	19° 38' 56"	105° 39' 00"					E-48-8-C-b		
đường tỉnh 506	KX	xã Tân Khang	H. Nông Cống			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-C-b		
chùa Am Tiên	KX	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 42' 49"	105° 37' 15"					E-48-8-C-a		
kênh N8	TV	xã Tân Khang	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"	E-48-8-C-b		
Kênh Nam	TV	xã Tân Khang	H. Nông Cống			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-C-b		
Sông Nhorm	TV	xã Tân Khang	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b		
Núi Nura	SV	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 41' 44"	105° 38' 17"					E-48-8-C-b		
thôn Tân Ấp	DC	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 42' 26"	105° 38' 42"					E-48-8-C-b		
thôn Tân Cầu	DC	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 44' 08"	105° 39' 24"					E-48-8-C-b		
thôn Tân Lai	DC	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 43' 34"	105° 39' 17"					E-48-8-C-b		
thôn Tân Sơn	DC	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 43' 04"	105° 39' 30"					E-48-8-C-b		
thôn Tân Thịnh	DC	xã Tân Khang	H. Nông Cống	19° 43' 25"	105° 38' 34"					E-48-8-C-b		
thôn 1	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 43' 33"	105° 40' 42"					E-48-8-C-b		
thôn 2	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 43' 42"	105° 40' 38"					E-48-8-C-b		
thôn 3	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 43' 51"	105° 40' 30"					E-48-8-C-b		
thôn 4	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 44' 13"	105° 40' 11"					E-48-8-C-b		
thôn 5	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 44' 16"	105° 39' 53"					E-48-8-C-b		
thôn 6	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 44' 26"	105° 39' 57"					E-48-8-C-b		
thôn 7	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 44' 33"	105° 39' 38"					E-48-8-C-b		
thôn 8	DC	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 45' 08"	105° 39' 49"					E-48-8-A-d		
Núi Chùa	SV	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 44' 13"	105° 40' 50"					E-48-8-C-b		
Kênh Nam	TV	xã Tân Phúc	H. Nông Cống			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-C-b		
sông Nhà Lê	TV	xã Tân Phúc	H. Nông Cống			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-C-b, E-48-8-A-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
núi Vụng Lát	SV	xã Tân Phúc	H. Nông Cống	19° 44' 31"	105° 40' 31"						E-48-8-C-b	
đường tỉnh 506	KX	xã Tân Thọ	H. Nông Cống			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"		E-48-8-C-b	
thôn Mỹ Phong	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 44' 08"	105° 39' 10"						E-48-8-C-b	
kênh N8	TV	xã Tân Thọ	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"		E-48-8-C-b	
Kênh Nam	TV	xã Tân Thọ	H. Nông Cống			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"		E-48-8-C-b	
sông Nhà Lê	TV	xã Tân Thọ	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"		E-48-8-C-b	
t.ion Phú Ninh	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 44' 15"	105° 38' 52"						E-48-8-C-b	
thôn Quý Phong	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 44' 22"	105° 38' 59"						E-48-8-C-b	
thôn Tân Ấp	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 42' 53"	105° 38' 25"						E-48-8-C-b	
thôn Thanh Y	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 44' 13"	105° 38' 54"						E-48-8-C-b	
thôn Thọ Bình	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 44' 24"	105° 38' 39"						E-48-8-C-b	
thôn Vinh Quang	DC	xã Tân Thọ	H. Nông Cống	19° 44' 07"	105° 38' 52"						E-48-8-C-b	
quốc lộ 45	KX	xã Tế Lợi	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"		E-48-8-C-b	
thôn Cương Quyết	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 23"	105° 40' 57"						E-48-8-C-b	
thôn Cương Thắng	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 19"	105° 41' 16"						E-48-8-C-b	
thôn Cương Thịnh	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 39' 51"	105° 41' 07"						E-48-8-C-b	
thôn Cương Tiến	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 26"	105° 41' 13"						E-48-8-C-b	
núi Hạ Sơn	SV	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 41' 20"	105° 38' 20"						E-48-8-C-b	
thôn Hữu Càn	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 01"	105° 40' 29"						E-48-8-C-b	
thôn Hữu Chính	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 18"	105° 40' 51"						E-48-8-C-b	
thôn Hữu Kiệm	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 10"	105° 40' 29"						E-48-8-C-b	
thôn Hữu Liêm	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 12"	105° 40' 44"						E-48-8-C-b	
Sông Lim	TV	xã Tế Lợi	H. Nông Cống			19° 39' 30"	105° 39' 50"	19° 38' 09"	105° 40' 12"		E-48-8-C-b	
Hồ Mơ	TV	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 39' 46"	105° 38' 46"						E-48-8-C-b	
kênh N8	TV	xã Tế Lợi	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"		E-48-8-C-b	
Sông Nhơm	TV	xã Tế Lợi	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"		E-48-8-C-b	
Trại giam Thanh Phong	KX	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 40' 03"	105° 39' 14"						E-48-8-C-b	
thôn Trường Thọ	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 39' 22"	105° 40' 14"						E-48-8-C-b	
thôn Yên Bái	DC	xã Tế Lợi	H. Nông Cống	19° 39' 55"	105° 40' 06"						E-48-8-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
làng Châu Sơn	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 32"	105° 42' 12"					E-48-8-C-b
thôn Châu Sơn 5	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 20"	105° 42' 35"					E-48-8-C-b
thôn Châu Sơn 6	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 24"	105° 42' 10"					E-48-8-C-b
thôn Châu Sơn 7	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 29"	105° 41' 37"					E-48-8-C-b
thôn Hà Khẩu 4	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 40' 13"	105° 42' 15"					E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Tế Nông	H. Nông Cống			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 39' 45"	105° 44' 04"	E-48-8-C-b
thôn Minh Nông 1	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 34"	105° 42' 41"					E-48-8-C-b
thôn Minh Nông 2	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 50"	105° 42' 40"					E-48-8-C-b
Sông Nhorem	TV	xã Tế Nông	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b
thôn Phòng Không 11	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 40' 05"	105° 41' 53"					E-48-8-C-b
thôn Quan Hoạch 3	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 49"	105° 42' 25"					E-48-8-C-b
thôn Tế Độ 1	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 59"	105° 43' 41"					E-48-8-C-b
thôn Tế Độ 2	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 40' 03"	105° 43' 31"					E-48-8-C-b
thôn Tế Độ 3	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 40' 05"	105° 43' 16"					E-48-8-C-b
thôn Tế Độ 4	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 54"	105° 43' 00"					E-48-8-C-b
thôn Thịnh Lạc 8	DC	xã Tế Nông	H. Nông Cống	19° 39' 50"	105° 41' 37"					E-48-8-C-b
thôn 1	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 40' 59"	105° 41' 39"					E-48-8-C-b
thôn 2	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 40' 54"	105° 41' 46"					E-48-8-C-b
thôn 3	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 40' 48"	105° 42' 14"					E-48-8-C-b
thôn 4	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 40' 15"	105° 42' 37"					E-48-8-C-b
thôn 5	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 40' 26"	105° 42' 55"					E-48-8-C-b
thôn 6	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 40' 41"	105° 42' 53"					E-48-8-C-b
thôn 7	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 41' 19"	105° 42' 31"					E-48-8-C-b
thôn 8	DC	xã Tế Tân	H. Nông Cống	19° 41' 45"	105° 42' 17"					E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Tế Tân	H. Nông Cống			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 39' 45"	105° 44' 04"	E-48-8-C-b
Kênh Nam	TV	xã Tế Tân	H. Nông Cống			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"	E-48-8-C-b
Sông Nhorem	TV	xã Tế Tân	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Tế Thắng	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b
thôn Đại Đồng A	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 40' 59"	105° 41' 02"					E-48-8-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Đại Đồng B	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 10"	105° 40' 54"						E-48-8-C-b	
thôn Đậu Yên	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 40' 27"	105° 40' 13"						E-48-8-C-b	
thôn Giá Mai A	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 40' 38"	105° 40' 18"						E-48-8-C-b	
thôn Giá Mai B	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 40' 51"	105° 40' 20"						E-48-8-C-b	
núi Hạ Sơn	SV	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 20"	105° 38' 20"						E-48-8-C-b	
kênh N8	TV	xã Tế Thắng	H. Nông Cống					19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"	E-48-8-C-b
Sông Nhơm	TV	xã Tế Thắng	H. Nông Cống					19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"	E-48-8-C-b
thôn Quả Cảm	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 40' 44"	105° 41' 42"							E-48-8-C-b
thôn Thổ Bắc	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 00"	105° 40' 26"							E-48-8-C-b
thôn Thổ Nam	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 13"	105° 40' 18"							E-48-8-C-b
thôn Thổ Tân	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 19"	105° 39' 44"							E-48-8-C-b
thôn Thổ Trung	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 07"	105° 40' 24"							E-48-8-C-b
thôn Thổ Vị	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 07"	105° 40' 24"							E-48-8-C-b
thôn Yên Cách	DC	xã Tế Thắng	H. Nông Cống	19° 41' 18"	105° 41' 28"							E-48-8-C-b
thôn Lai Phục	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 56"	105° 41' 23"							E-48-8-C-d
thôn Lý Bắc	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 28"	105° 41' 11"							E-48-8-C-d
thôn Lý Đông	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 02"	105° 41' 47"							E-48-8-C-d
thôn Lý Nam	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 24"	105° 41' 33"							E-48-8-C-d
thôn Lý Tây	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 15"	105° 41' 41"							E-48-8-C-d
Sông Mực	TV	xã Thăng Bình	H. Nông Cống					19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-d
thôn Mỹ Trí	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 36' 30"	105° 40' 45"							E-48-8-C-d
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Thăng Bình	H. Nông Cống					19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-d
thôn Ngô Hạ	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 22"	105° 40' 55"							E-48-8-C-d
thôn Ngô Thượng	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 34' 48"	105° 40' 55"							E-48-8-C-d
thôn Ngô Trung	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 02"	105° 41' 01"							E-48-8-C-d
thôn Quần Bồi	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 22"	105° 40' 25"							E-48-8-C-d
Núi Sẻ	SV	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 00"	105° 41' 32"							E-48-8-C-d
thôn Tây Giang	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 36' 16"	105° 40' 50"							E-48-8-C-d
thôn Thái Giai	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 36' 15"	105° 41' 07"							E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
thôn Thái Sơn	DC	xã Thăng Bình	H. Nông Cống	19° 35' 33"	105° 40' 53"					E-48-8-C-d
đường tỉnh 505	KX	xã Thăng Long	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"	E-48-8-C-d
thôn Ân Phú	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 36' 15"	105° 37' 52"					E-48-8-C-d
xóm Cầu Chạm	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 36' 03"	105° 38' 14"					E-48-8-C-d
Suối Chạm	TV	xã Thăng Long	H. Nông Cống			19° 34' 53"	105° 37' 11"	19° 36' 18"	105° 40' 05"	E-48-8-C-d
hồ Cỏ Cò	TV	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 34' 06"	105° 38' 17"					E-48-8-C-d
thôn Đại Bản	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 36' 33"	105° 39' 10"					E-48-8-C-d
thôn Mỹ Quang	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 34' 30"	105° 37' 43"					E-48-8-C-d
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Thăng Long	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-c, E-48-8-C-d
thôn Ngọc Chạm	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 35' 29"	105° 38' 39"					E-48-8-C-d
thôn Ngự Thôn	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 36' 27"	105° 38' 41"					E-48-8-C-d
Thôn Ốc	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 35' 57"	105° 39' 00"					E-48-8-C-d
Núi Ròn	SV	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 36' 38"	105° 39' 25"					E-48-8-C-d
thôn Tân Đại	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 35' 12"	105° 37' 38"					E-48-8-C-d
thôn Tân Giao	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 35' 50"	105° 37' 48"					E-48-8-C-d
thôn Tân Vinh	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 36' 12"	105° 37' 22"					E-48-8-C-c
thôn Thập Lý	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 35' 47"	105° 37' 22"					E-48-8-C-d
thôn Vạn Thành	DC	xã Thăng Long	H. Nông Cống	19° 34' 51"	105° 37' 59"					E-48-8-C-d
thôn 1	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 34' 59"	105° 38' 41"					E-48-8-C-d
thôn 2	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 05"	105° 38' 50"					E-48-8-C-d
thôn 3	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 01"	105° 38' 58"					E-48-8-C-d
thôn 4	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 34' 55"	105° 39' 09"					E-48-8-C-d
thôn 5	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 34' 59"	105° 39' 18"					E-48-8-C-d
thôn 6	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 07"	105° 39' 14"					E-48-8-C-d
thôn 7	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 11"	105° 39' 22"					E-48-8-C-d
thôn 8	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 22"	105° 39' 22"					E-48-8-C-d
thôn 9	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 13"	105° 39' 27"					E-48-8-C-d
thôn 10	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 35' 04"	105° 39' 36"					E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn 11	DC	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống	19° 34' 35"	105° 39' 25"						E-48-8-C-d	
đường tỉnh 505	KX	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"		E-48-8-C-d	
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Thăng Thọ	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"		E-48-8-C-d	
thôn 1	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 37"	105° 39' 40"						E-48-8-C-b	
thôn 2	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 45"	105° 39' 44"						E-48-8-C-b	
thôn 3	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 39"	105° 39' 46"						E-48-8-C-b	
thôn 4	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 31"	105° 40' 09"						E-48-8-C-b	
thôn 5	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 40"	105° 40' 30"						E-48-8-C-b	
thôn 6	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 40"	105° 40' 41"						E-48-8-C-b	
thôn 7	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 24"	105° 41' 02"						E-48-8-C-b	
thôn 8	DC	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 45"	105° 40' 53"						E-48-8-C-b	
quốc lộ 45	KX	xã Trung Chính	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"		E-48-8-C-b	
đường tỉnh 506	KX	xã Trung Chính	H. Nông Cống			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"		E-48-8-C-b	
kênh N8	TV	xã Trung Chính	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"		E-48-8-C-b	
Kênh Nam	TV	xã Trung Chính	H. Nông Cống			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"		E-48-8-C-b	
Sông Nhorm	TV	xã Trung Chính	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"		E-48-8-C-b	
Cầu Quan	KX	xã Trung Chính	H. Nông Cống	19° 42' 19"	105° 41' 02"						E-48-8-C-b	
quốc lộ 45	KX	xã Trung Thành	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"		E-48-8-C-b	
thôn Cón Sơn	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 42' 29"	105° 40' 39"						E-48-8-C-b	
thôn Đồng Yên	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 42' 17"	105° 38' 59"						E-48-8-C-b	
núi Hạ Sơn	SV	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 41' 20"	105° 38' 20"						E-48-8-C-b	
thôn Lương Mộng	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 42' 04"	105° 39' 44"						E-48-8-C-b	
kênh N8	TV	xã Trung Thành	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"		E-48-8-C-b	
Sông Nhorm	TV	xã Trung Thành	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"		E-48-8-C-b	
Núi Nưa	SV	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 41' 44"	105° 38' 17"						E-48-8-C-b	
thôn Phú Mỹ	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 41' 44"	105° 40' 06"						E-48-8-C-b	
Cầu Quan	KX	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 42' 19"	105° 41' 02"						E-48-8-C-b	
thôn Yên Dân	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 41' 47"	105° 39' 27"						E-48-8-C-b	
thôn Yên Quả 1	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 41' 57"	105° 40' 42"						E-48-8-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Yên Quả 2	DC	xã Trung Thành	H. Nông Cống	19° 42' 15"	105° 40' 48"						E-48-8-C-b	
thôn 1	DC	xã Trung Ý	H. Nông Cống	19° 41' 39"	105° 41' 20"						E-48-8-C-b	
thôn 2	DC	xã Trung Ý	H. Nông Cống	19° 41' 48"	105° 41' 13"						E-48-8-C-b	
thôn 3	DC	xã Trung Ý	H. Nông Cống	19° 41' 37"	105° 41' 02"						E-48-8-C-b	
thôn 4	DC	xã Trung Ý	H. Nông Cống	19° 41' 37"	105° 41' 11"						E-48-8-C-b	
thôn 5	DC	xã Trung Ý	H. Nông Cống	19° 41' 23"	105° 41' 02"						E-48-8-C-b	
thôn 6	DC	xã Trung Ý	H. Nông Cống	19° 41' 29"	105° 41' 16"						E-48-8-C-b	
Kênh Nam	TV	xã Trung Ý	H. Nông Cống			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"		E-48-8-C-b	
Sông Nhorm	TV	xã Trung Ý	H. Nông Cống			19° 48' 39"	105° 31' 13"	19° 39' 44"	105° 42' 50"		E-48-8-C-b	
thôn 1	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 34"	105° 45' 13"						E-48-8-D-c	
thôn 2	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 48"	105° 45' 05"						E-48-8-D-c	
thôn 3	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 48"	105° 44' 48"						E-48-8-C-d	
thôn 4	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 52"	105° 44' 33"						E-48-8-C-d	
thôn 5	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 37' 10"	105° 44' 43"						E-48-8-C-d	
thôn 6	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 56"	105° 44' 40"						E-48-8-D-c	
thôn 7	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 37"	105° 45' 16"						E-48-8-C-d	
thôn 8	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 37' 02"	105° 44' 34"						E-48-8-D-a	
thôn 9	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 37' 58"	105° 45' 56"						E-48-8-D-a	
thôn 10	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 37' 45"	105° 45' 13"						E-48-8-D-a	
thôn 11	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 37' 40"	105° 46' 01"						E-48-8-D-a	
Sông Hoàng	TV	xã Trường Giang	H. Nông Cống			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"		E-48-8-D-a	
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Trường Giang	H. Nông Cống								E-48-8-D-c,	
sông Thị Long	TV	xã Trường Giang	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"		E-48-8-C-d	
làng Tuy Hoà	DC	xã Trường Giang	H. Nông Cống	19° 36' 37"	105° 45' 16"			19° 36' 29"	105° 45' 36"		E-48-8-D-c,	
Sông Yên	TV	xá Trường Giang	H. Nông Cống								E-48-8-C-d	
thôn Đối Thôn	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 36' 45"	105° 42' 13"			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	
											E-48-8-D-a	
											E-48-8-C-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Minh Côi	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 37' 10"	105° 42' 47"							E-48-8-C-d
Sông Mực	TV	xã Trường Minh	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"			E-48-8-C-d, E-48-8-C-b
thôn Phú Đặng	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 36' 14"	105° 42' 15"							E-48-8-C-d
thôn Phú Năm	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 36' 42"	105° 41' 28"							E-48-8-C-d
thôn Phú Viên	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 36' 38"	105° 42' 48"							E-48-8-C-d
thôn Thạch Lăng	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 36' 58"	105° 41' 23"							E-48-8-C-d
thôn Trường Đồi	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 37' 00"	105° 41' 58"							E-48-8-C-d
thôn Trường Phúc	DC	xã Trường Minh	H. Nông Cống	19° 37' 09"	105° 41' 38"							E-48-8-C-d
thôn Bát Nộ	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 37' 05"	105° 43' 07"							E-48-8-C-d
thôn Kim Phú	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 36' 29"	105° 43' 31"			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-d
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Trường Sơn	H. Nông Cống									E-48-8-C-d
thôn Phúc Thọ	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 36' 20"	105° 44' 03"							E-48-8-C-d
thôn Thành Liên	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 37' 01"	105° 44' 03"							E-48-8-C-d
thôn Thọ Tiên	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 36' 28"	105° 43' 48"							E-48-8-C-d
thôn Trung Yên	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 36' 47"	105° 43' 58"							E-48-8-C-d
thôn Văn Độ	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 36' 24"	105° 43' 04"							E-48-8-C-d
thôn Yên Minh	DC	xã Trường Sơn	H. Nông Cống	19° 36' 31"	105° 44' 12"							E-48-8-C-d
thôn Đông Xuân	DC	xã Trường Trung	H. Nông Cống	19° 37' 32"	105° 43' 20"							E-48-8-C-b
Sông Mực	TV	xã Trường Trung	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"			E-48-8-C-d
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Trường Trung	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"			E-48-8-C-d
thôn Phượng Đoài	DC	xã Trường Trung	H. Nông Cống	19° 37' 26"	105° 43' 06"							E-48-8-C-b
thôn Tín Bản	DC	xã Trường Trung	H. Nông Cống	19° 37' 38"	105° 44' 30"							E-48-8-C-b
thôn Trung Liệt	DC	xã Trường Trung	H. Nông Cống	19° 37' 42"	105° 44' 14"							E-48-8-C-b
Sông Yên	TV	xã Trường Trung	H. Nông Cống			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"			E-48-8-C-b, E-48-8-D-a
thôn Yên Lăng	DC	xã Trường Trung	H. Nông Cống	19° 37' 46"	105° 44' 33"							E-48-8-C-b
thôn Hoàng Lâm	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 09"	105° 41' 48"							E-48-8-C-d
thôn Long Vực	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 45"	105° 43' 11"							E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-d
thôn Nga Thượng	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 48"	105° 42' 32"					E-48-8-C-d
thôn Nhuyễn Sơn	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 24"	105° 42' 06"					E-48-8-C-d
thôn Phú Long	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 35' 40"	105° 42' 36"					E-48-8-C-d
thôn Phú Sơn	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 52"	105° 42' 06"					E-48-8-C-d
thôn Quang Vinh	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 13"	105° 43' 00"					E-48-8-C-d
Núi Sẻ	SV	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 35' 00"	105° 41' 32"					E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
thôn Thọ Nga	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 35' 05"	105° 42' 58"					E-48-8-C-d
thôn Vĩnh Lại	DC	xã Tượng Lĩnh	H. Nông Cống	19° 34' 33"	105° 43' 19"					E-48-8-C-d
đường tỉnh 512	KX	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống			19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-C-d
thôn Sơn Long	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 08"	105° 42' 20"					E-48-8-C-d
thôn Bồng Sơn	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 25"	105° 42' 51"					E-48-8-C-d
thôn Cát Lễ	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 22"	105° 42' 05"					E-48-8-C-d
thôn Cát Sơn	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 54"	105° 42' 25"					E-48-8-C-d
hồ Đầm Hùng	TV	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 51"	105° 41' 42"					E-48-8-C-d
thôn Đức Minh	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 34' 00"	105° 42' 05"					E-48-8-C-d
thôn Kén Thôn	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 44"	105° 43' 01"					E-48-8-C-d
hồ Khe Ba	TV	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 00"	105° 41' 53"					E-48-8-C-d
thôn Phú Triều	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 55"	105° 42' 26"					E-48-8-C-d
thôn Tân Sơn	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 22"	105° 41' 45"					E-48-8-C-d
thôn Thái Tượng	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 42"	105° 42' 18"					E-48-8-C-d
cầu Thị Long	KX	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 31' 58"	105° 42' 31"					E-48-8-C-d
ga Thị Long	KX	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 37"	105° 42' 30"					E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
thôn Thị Long	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 35"	105° 41' 57"					E-48-8-C-d
núi Thiên Thân	SV	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 42"	105° 42' 05"					E-48-8-C-d
thôn Trúc Thịnh	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 47"	105° 41' 19"					E-48-8-C-d
thôn Văn Thạch	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 39"	105° 42' 20"					E-48-8-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
thôn Vinh Sơn	DC	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 33' 06"	105° 42' 09"						E-48-8-C-d	
Núi Voi	SV	xã Tượng Sơn	H. Nông Cống	19° 32' 53"	105° 40' 33"						E-48-8-C-d	
thôn Đa Tiền	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 27"	105° 43' 16"						E-48-8-C-d	
thôn Hùng Sơn	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 34' 28"	105° 44' 12"						E-48-8-C-d	
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Tượng Văn	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"		E-48-8-C-d	
thôn Phú Bắc	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 36' 00"	105° 43' 21"						E-48-8-C-d	
thôn Phú Đông	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 38"	105° 43' 27"						E-48-8-C-d	
thôn Phú Nam	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 32"	105° 43' 23"						E-48-8-C-d	
thôn Phú Tây	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 46"	105° 42' 51"						E-48-8-C-d	
thôn Phú Thứ	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 57"	105° 44' 00"						E-48-8-C-d	
thôn Phú Trung	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 39"	105° 43' 18"						E-48-8-C-d	
thôn Quỳnh Tiến	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 31"	105° 43' 54"						E-48-8-C-d	
sông Thị Long	TV	xã Tượng Văn	H. Nông Cống			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"		E-48-8-C-d	
thôn Thọ Tiến	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 22"	105° 44' 19"						E-48-8-C-d	
thôn Thọ Xương	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 32"	105° 44' 39"						E-48-8-C-d	
thôn Trí Phú	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 21"	105° 43' 57"						E-48-8-C-d	
thôn Trúc Đại	DC	xã Tượng Văn	H. Nông Cống	19° 35' 03"	105° 44' 05"						E-48-8-C-d	
quốc lộ 45	KX	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"		E-48-8-C-b	
đường tỉnh 505	KX	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"		E-48-8-C-d	
kênh Bắc Sông Mực	TV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống			19° 37' 43"	105° 35' 56"	19° 50' 59"	105° 36' 24"		E-48-8-C-a,	
thôn Bái Đa	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 37' 52"	105° 38' 36"						E-48-8-C-b	
thôn Cẩm Bảo	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 10"	105° 37' 57"						E-48-8-C-b	
thôn Cẩm Phúc	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 28"	105° 37' 44"						E-48-8-C-a	
thôn Đồng Lương	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 17"	105° 38' 14"						E-48-8-C-b	
hồ Đồng Thọ	TV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 37' 29"	105° 38' 10"						E-48-8-C-d,	
thôn Đồng Thọ	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 37' 41"	105° 37' 55"						E-48-8-C-b	
Núi Lũng	SV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 37' 01"	105° 37' 36"						E-48-8-C-b	
Núi Mết	SV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 18"	105° 37' 17"						E-48-8-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
Sông Mực	TV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"	E-48-8-C-a, E-48-8-C-b		
Núi Muôn	SV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 47"	105° 37' 45"					E-48-8-C-b		
Núi Ná	SV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 37"	105° 36' 43"					E-48-8-C-a		
thôn Ngọc Bản	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 31"	105° 38' 37"					E-48-8-C-b		
thôn Quyết Chiến	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 09"	105° 37' 38"					E-48-8-C-b		
thôn Thanh Ban	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 37' 38"	105° 38' 33"					E-48-8-C-b		
thôn Thanh Điền	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 36"	105° 38' 43"					E-48-8-C-b		
thôn Thiện Na	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 04"	105° 37' 58"					E-48-8-C-b		
thôn Thọ Sơn	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 37' 22"	105° 38' 12"					E-48-8-C-d		
thôn Tùng Thiện	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 38' 13"	105° 38' 39"					E-48-8-C-b		
thôn Vạn Trạch	DC	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống	19° 36' 54"	105° 38' 19"					E-48-8-C-d		
Suối Vắt	TV	xã Vạn Hoà	H. Nông Cống			19° 40' 01"	105° 37' 08"	19° 38' 49"	105° 38' 42"	E-48-8-C-b		
quốc lộ 45	KX	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-a, E-48-8-C-b		
kênh Bắc Sông Mực	TV	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống			19° 37' 43"	105° 35' 56"	19° 50' 59"	105° 36' 24"	E-48-8-C-a		
thôn Ban Thọ	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 34"	105° 36' 32"					E-48-8-C-a		
thôn Đông Hoa	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 56"	105° 35' 46"					E-48-8-C-a		
thôn Đông Tài	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 50"	105° 36' 14"					E-48-8-C-a		
thôn Giản Hiền	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 43"	105° 37' 07"					E-48-8-C-c		
thôn Lăng Thôn	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 06"	105° 36' 34"					E-48-8-C-c		
Núi Lũng	SV	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 01"	105° 37' 36"					E-48-8-C-a		
Núi Mết	SV	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 38' 18"	105° 37' 17"			19° 37' 55"	105° 42' 58"	E-48-8-C-b		
Sông Mực	TV	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống							E-48-8-C-a		
Núi Ná	SV	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 38' 37"	105° 36' 43"					E-48-8-C-c, E-48-8-C-a		
kênh Nam Sông Mực	TV	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống			19° 37' 52"	105° 33' 46"	19° 35' 38"	105° 37' 46"	E-48-8-C-a		
thôn Nhuet Thôn	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 38' 02"	105° 37' 05"					E-48-8-C-a		
thôn Phố Mới	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 39"	105° 36' 42"					E-48-8-C-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Quỳ Thắng	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 36' 42"	105° 36' 17"							E-48-8-C-c
thôn Quyết Thắng	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 44"	105° 37' 24"							E-48-8-C-a
thôn Sinh Tân	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 37' 11"	105° 37' 03"							E-48-8-C-c
thôn Tân Đạo	DC	xã Vạn Thắng	H. Nông Cống	19° 36' 55"	105° 37' 23"							E-48-8-C-c
đường tỉnh 505	KX	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"			E-48-8-C-d
thôn Cao Nhuận	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 43"	105° 39' 49"							E-48-8-C-b
Suối Chạm	TV	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống			19° 34' 53"	105° 37' 12"	19° 36' 18"	105° 40' 05"			E-48-8-C-d
thôn Cộng Hoà	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 36' 56"	105° 39' 00"							E-48-8-C-d
Xóm Giữa	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 12"	105° 40' 18"							E-48-8-C-d
thôn Liên Minh	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 58"	105° 40' 32"							E-48-8-C-b
Sông Mực	TV	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống			19° 37' 55"	105° 33' 45"	19° 38' 41"	105° 42' 58"			E-48-8-C-b, E-48-8-C-d
kênh N8	TV	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống			19° 45' 25"	105° 37' 55"	19° 36' 48"	105° 39' 20"			E-48-8-C-b, E-48-8-C-d
Núi Nhén	SV	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 36' 54"	105° 38' 42"							E-48-8-C-d
thôn Quyết Thanh 1	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 37"	105° 39' 14"							E-48-8-C-b
thôn Quyết Thanh 2	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 37"	105° 39' 33"							E-48-8-C-b
thôn Tân Lập	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 36' 48"	105° 39' 45"							E-48-8-C-d
thôn Tân Trù	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 09"	105° 40' 07"							E-48-8-C-d
thôn Thiện Sơn	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 36' 50"	105° 38' 26"							E-48-8-C-b
thôn Xóm Chuyên	DC	xã Vạn Thiện	H. Nông Cống	19° 37' 22"	105° 40' 23"							E-48-8-C-d
đường tỉnh 505	KX	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống			19° 37' 31"	105° 38' 49"	19° 28' 30"	105° 36' 04"			E-48-20-A-b, E-48-8-C-d, E-48-8-C-d
hồ Bông Bông	TV	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 29' 51"	105° 40' 44"							E-48-20-A-b, E-48-8-C-d
thôn Lâm Hoà	DC	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 29' 35"	105° 37' 00"							E-48-20-A-a
thôn Mỹ Phong	DC	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 30' 14"	105° 40' 20"							E-48-8-C-d
thôn Sơn Đồng	DC	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 29' 43"	105° 38' 01"							E-48-20-A-b
thôn Trung Phú	DC	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 29' 39"	105° 39' 13"							E-48-20-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Trung Tâm	DC	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 29' 53"	105° 39' 59"					E-48-20-A-b		
thôn Xuân Thịnh	DC	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 30' 22"	105° 39' 46"					E-48-8-C-d		
hồ Yên Mỹ	TV	xã Yên Mỹ	H. Nông Cống	19° 29' 02"	105° 38' 46"					E-48-20-A-a, E-48-20-A-b		
quốc lộ 1A	KX	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương					20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-a
khu phố 1	DC	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương	19° 43' 44"	105° 46' 47"							E-48-8-D-a
khu phố 2	DC	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương	19° 44' 13"	105° 46' 52"							E-48-8-D-a
thôn Đắc Tú	DC	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương	19° 44' 14"	105° 46' 43"							E-48-8-D-a
thôn Đông Đa	DC	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương	19° 43' 50"	105° 47' 06"							E-48-8-D-a
khu phố Tân Phong	DC	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương	19° 43' 53"	105° 46' 52"							E-48-8-D-a
thôn Tân Thượng	DC	TT. Quảng Xương	H. Quảng Xương	19° 43' 58"	105° 46' 45"							E-48-8-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương					20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 41' 08"	105° 47' 00"							E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 40' 56"	105° 46' 48"							E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 40' 33"	105° 47' 24"							E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 40' 24"	105° 47' 20"							E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 40' 16"	105° 47' 33"							E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 40' 05"	105° 47' 30"							E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 41' 11"	105° 47' 56"							E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 41' 15"	105° 47' 46"							E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 41' 20"	105° 47' 05"							E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương					19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a
làng Ngưu Trung	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 40' 24"	105° 47' 20"							E-48-8-D-a
làng Trần Cầu	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 41' 02"	105° 46' 55"							E-48-8-D-a
làng Xa Thư	DC	xã Quảng Bình	H. Quảng Xương	19° 41' 15"	105° 47' 46"							E-48-8-D-a
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương					19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-D-a, E-48-8-D-b
đền thờ An Dương Vương	KX	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 44' 53"	105° 52' 34"							E-48-8-D-b
cầu Bình Hoà	KX	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 44' 36"	105° 52' 48"							E-48-8-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Châu An	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 44' 55"	105° 52' 19"							E-48-8-D-a
thôn Châu Bình	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 44' 50"	105° 52' 11"							E-48-8-D-a
thôn Châu Chính	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 11"	105° 52' 26"							E-48-8-B-c
thôn Châu Giang	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 46' 04"	105° 52' 59"							E-48-8-B-c
thôn Châu Lộc	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 46' 03"	105° 52' 41"							E-48-8-B-d
thôn Châu Thành	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 44' 55"	105° 52' 34"							E-48-8-D-b
Sông Đơ	TV	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương			19° 46' 20"	105° 53' 20"	19° 43' 37"	105° 52' 37"			E-48-8-B-d, E-48-8-B-c
làng Kiều Đại	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 34"	105° 52' 12"							E-48-8-B-c
thôn Kiều Đại 1	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 22"	105° 52' 14"							E-48-8-B-c
thôn Kiều Đại 2	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 34"	105° 52' 12"							E-48-8-B-c
thôn Kiều Đại 3	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 48"	105° 52' 06"							E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"			E-48-8-B-d, E-48-8-B-c
sông Thống Nhất	TV	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"			E-48-8-B-d, E-48-8-B-c
làng Xuân Phương	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 30"	105° 52' 30"							E-48-8-B-d
thôn Xuân Phương 1	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 25"	105° 52' 31"							E-48-8-B-d
thôn Xuân Phương 2	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 30"	105° 52' 30"							E-48-8-B-d
thôn Xuân Phương 3	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 37"	105° 52' 27"							E-48-8-B-c
thôn Yên Trạch	DC	xã Quảng Châu	H. Quảng Xương	19° 45' 26"	105° 52' 37"							E-48-8-B-d
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"			E-48-8-D-c, E-48-8-D-a
thôn Chính Đa	DC	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 36' 52"	105° 47' 31"							E-48-8-D-c
thôn Đại Đồng	DC	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 37' 20"	105° 47' 17"							E-48-8-D-c
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"			E-48-8-D-a, E-48-8-D-c
Sông Lý	TV	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"			E-48-8-D-a
thôn Ngọc Diêm 1	DC	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 37' 39"	105° 47' 49"							E-48-8-D-a
thôn Ngọc Diêm 2	DC	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 37' 18"	105° 47' 56"							E-48-8-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
thôn Phú Lương	DC	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 37' 36"	105° 47' 28"							E-48-8-D-a
cầu Sông Lý	KX	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 38' 09"	105° 47' 46"							E-48-8-D-a
thôn Thanh Xuân	DC	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương	19° 37' 10"	105° 47' 38"							E-48-8-D-c
Sông Yên	TV	xã Quảng Chính	H. Quảng Xương			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"			E-48-8-D-c
thôn 1	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 51"	105° 50' 22"							E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 34"	105° 50' 16"							E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 39"	105° 50' 24"							E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 28"	105° 50' 22"							E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 37"	105° 50' 35"							E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 24"	105° 50' 31"							E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 26"	105° 50' 56"							E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 24"	105° 51' 00"							E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Đại	H. Quảng Xương	19° 42' 15"	105° 50' 53"							E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 07"	105° 48' 00"							E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 16"	105° 47' 56"							E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 21"	105° 48' 00"							E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 26"	105° 48' 00"							E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 28"	105° 47' 58"							E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 32"	105° 48' 04"							E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 35"	105° 47' 57"							E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 41"	105° 48' 04"							E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 45' 08"	105° 48' 04"							E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 57"	105° 48' 02"							E-48-8-D-a
thôn 11	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 45' 04"	105° 47' 49"							E-48-8-B-c
thôn 12	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 38"	105° 48' 40"							E-48-8-D-a
thôn 13	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 33"	105° 48' 54"							E-48-8-D-a
thôn 14	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 44' 43"	105° 49' 16"							E-48-8-D-a
thôn 15	DC	xã Quảng Định	H. Quảng Xương	19° 45' 23"	105° 47' 32"							E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Định	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-C, E-48-8-D-a
thôn An Toàn	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 49"	105° 47' 38"					E-48-8-D-a
thôn Đức Cao	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 35"	105° 48' 32"					E-48-8-D-a
thôn Đức Sơn	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 47"	105° 48' 54"					E-48-8-D-a
thôn Đức Thắng	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 42' 49"	105° 48' 36"					E-48-8-D-a
thôn Đức Thành	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 30"	105° 48' 04"					E-48-8-D-a
thôn Đức Trang	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 18"	105° 47' 56"					E-48-8-D-a
thôn Đức Trung	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 14"	105° 48' 25"					E-48-8-D-a
thôn Phú Đa 1	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 16"	105° 47' 31"					E-48-8-D-a
thôn Phú Đa 2	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 18"	105° 47' 56"					E-48-8-D-a
thôn Phú Đa 3	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 42' 58"	105° 47' 49"					E-48-8-D-a
thôn Quang Tiến	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 25"	105° 47' 38"					E-48-8-D-a
thôn Tiền Thịnh 15	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 57"	105° 47' 56"					E-48-8-D-a
thôn Tiền Thịnh 8	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 52"	105° 47' 56"					E-48-8-D-a
thôn Tiền Thịnh 9	DC	xã Quảng Đức	H. Quảng Xương	19° 43' 46"	105° 47' 56"					E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 43' 18"	105° 50' 13"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 43' 13"	105° 50' 08"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 43' 05"	105° 50' 02"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 43' 13"	105° 49' 52"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 42' 59"	105° 49' 59"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 42' 57"	105° 49' 44"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 42' 50"	105° 49' 54"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 42' 41"	105° 49' 37"					E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 42' 30"	105° 49' 44"					E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a
làng Bùi Tây	DC	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương	19° 42' 59"	105° 49' 12"					E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Giao	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 42' 05"	105° 50' 24"					E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
thôn 2	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 42' 16"	105° 50' 13"							E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 42' 23"	105° 50' 06"							E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 42' 09"	105° 49' 59"							E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 41' 55"	105° 49' 52"							E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 41' 45"	105° 49' 52"							E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 41' 34"	105° 49' 59"							E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 41' 30"	105° 50' 28"							E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 41' 52"	105° 50' 46"							E-48-8-D-a
thôn 10	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 42' 03"	105° 50' 49"							E-48-8-D-a
thôn 11	DC	xã Quảng Hải	H. Quảng Xương	19° 41' 49"	105° 50' 06"	19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"			E-48-8-D-a
kênh B22	TV	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương									E-48-8-C-b
thôn Hoà Đạt	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 42' 47"	105° 44' 20"							E-48-8-C-b
thôn Hoà Đông	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 42' 41"	105° 45' 07"							E-48-8-D-a
thôn Hoà Thành	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 42' 09"	105° 44' 35"							E-48-8-C-b
cầu Hoà Triều	KX	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 43' 25"	105° 45' 25"							E-48-8-D-a
thôn Hoà Triều	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 43' 32"	105° 45' 25"							E-48-8-D-a
thôn Hoà Trinh	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 42' 57"	105° 45' 11"							E-48-8-D-a
thôn Hoà Văn	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 42' 40"	105° 44' 53"							E-48-8-C-b
Sông Lý	TV	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"			E-48-8-D-a
thôn Tân Thái	DC	xã Quảng Hoà	H. Quảng Xương	19° 43' 24"	105° 44' 38"							E-48-8-C-b
kênh B22	TV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương			19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"			E-48-8-C-b
thôn Đồng Cơ	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 29"	105° 46' 08"							E-48-8-D-a
cầu Gia Hà	KX	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 06"	105° 46' 16"							E-48-8-D-a
thôn Gia Hà	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 02"	105° 46' 12"							E-48-8-D-a
thôn Hợp Bình	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 56"	105° 45' 36"							E-48-8-D-a
thôn Hợp Danh	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 34"	105° 45' 29"							E-48-8-D-a
thôn Hợp Ân	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 42' 08"	105° 45' 28"							E-48-8-D-a
thôn Hợp Giang	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 42' 04"	105° 45' 40"							E-48-8-D-a
thôn Hợp Hưng	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 08"	105° 45' 51"							E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Hợp Linh	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 13"	105° 45' 38"							E-48-8-D-a
thôn Hợp Lực	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 52"	105° 44' 49"							E-48-8-C-b
thôn Hợp Phương	DC	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 37"	105° 45' 47"							E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"			E-48-8-D-a
núi Văn Trính	SV	xã Quảng Hợp	H. Quảng Xương	19° 41' 01"	105° 45' 22"							E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 03"	105° 51' 22"							E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 42' 51"	105° 51' 14"							E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 42' 43"	105° 51' 07"							E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 42' 57"	105° 50' 56"							E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 08"	105° 50' 46"							E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 10"	105° 51' 07"							E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 29"	105° 50' 31"							E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 26"	105° 50' 20"							E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 36"	105° 49' 59"							E-48-8-D-a
thôn 10	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 43' 25"	105° 49' 55"							E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"			E-48-8-D-a
làng Hùng Tiến	DC	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương	19° 42' 51"	105° 50' 46"							E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Hùng	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"			E-48-8-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"			E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 57"	105° 47' 24"							E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 54"	105° 47' 00"							E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 32"	105° 46' 23"							E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 23"	105° 46' 25"							E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 13"	105° 47' 20"							E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 20"	105° 47' 34"							E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 56"	105° 46' 53"							E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 36"	105° 46' 48"							E-48-8-D-a
làng Đại Trung	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 13"	105° 47' 20"							E-48-8-D-a
Làng Hà	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 39' 00"	105° 47' 20"							E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"	E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a
Làng Nga	DC	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 32"	105° 46' 23"					E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
cầu Sông Lý	KX	xã Quảng Khê	H. Quảng Xương	19° 38' 09"	105° 47' 46"					E-48-8-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 38' 32"	105° 48' 18"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 38' 44"	105° 47' 53"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 39' 06"	105° 48' 29"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 39' 09"	105° 48' 00"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 39' 14"	105° 47' 02"					E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a
Núi Chẹt	SV	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 38' 25"	105° 48' 00"					E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a
cầu Ngọc Phương	KX	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 39' 46"	105° 47' 42"					E-48-8-D-a
Núi Nhọn	SV	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 38' 09"	105° 48' 11"					E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
Núi Tó	SV	xã Quảng Lĩnh	H. Quảng Xương	19° 38' 13"	105° 48' 18"					E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 40' 11"	105° 49' 19"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 40' 14"	105° 49' 01"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 39' 50"	105° 49' 26"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 39' 54"	105° 49' 16"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 39' 57"	105° 49' 00"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 39' 43"	105° 49' 11"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 39' 22"	105° 49' 12"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương	19° 39' 34"	105° 48' 54"					E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Lộc	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
thôn Hồng Phong	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 45"	105° 49' 19"						E-48-8-D-a	
Núi Lau	SV	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 37' 59"	105° 48' 50"						E-48-8-D-a	
thôn Lạc Trại	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 28"	105° 48' 54"						E-48-8-D-a	
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"		E-48-8-D-a	
thôn Phúc Thành	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 36"	105° 49' 00"						E-48-8-D-a	
thôn Thủ Lộc	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 39' 05"	105° 49' 02"						E-48-8-D-a	
thôn Tiên Phong	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 36"	105° 49' 30"						E-48-8-D-a	
thôn Tiên Thắng	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 05"	105° 49' 09"						E-48-8-D-a	
khu công nghiệp Du lịch biển Tiên Trang	KX	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 27"	105° 49' 41"						E-48-8-D-a	
thôn Tiên Trang	DC	xã Quảng Lợi	H. Quảng Xương	19° 38' 36"	105° 48' 44"						E-48-8-D-a	
kênh B22	TV	xã Quảng Long	H. Quảng Xương			19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"		E-48-8-C-b	
thôn Bái Đông	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 41' 57"	105° 43' 12"						E-48-8-C-b	
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Long	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"		E-48-8-C-b	
thôn Lộc Long	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 42' 18"	105° 43' 19"						E-48-8-C-b	
thôn Lộc Xá	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 42' 39"	105° 43' 52"						E-48-8-C-b	
thôn Long Đại	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 42' 55"	105° 43' 19"						E-48-8-C-b	
thôn Long Thành	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 42' 16"	105° 43' 37"						E-48-8-C-b	
thôn Long Thọ	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 43' 09"	105° 44' 06"						E-48-8-C-b	
thôn Thổ Ngao	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 41' 43"	105° 43' 08"						E-48-8-C-b	
thôn Xuân Bàng	DC	xã Quảng Long	H. Quảng Xương	19° 41' 13"	105° 43' 23"						E-48-8-C-b	
thôn 1	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 12"	105° 50' 09"						E-48-8-D-a	
thôn 2	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 20"	105° 49' 44"						E-48-8-D-a	
thôn 3	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 05"	105° 49' 44"						E-48-8-D-a	
thôn 4	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 37"	105° 49' 19"						E-48-8-D-a	
thôn 5	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 19"	105° 49' 16"						E-48-8-D-a	
thôn 6	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 54"	105° 49' 08"						E-48-8-D-a	
thôn 7	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 00"	105° 49' 26"						E-48-8-D-a	
thôn 8	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 02"	105° 49' 38"						E-48-8-D-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 9	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 52"	105° 49' 37"					E-48-8-D-a
thôn 10	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 49"	105° 49' 48"					E-48-8-D-a
thôn 11	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 46"	105° 49' 37"					E-48-8-D-a
thôn 12	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 40"	105° 49' 23"					E-48-8-D-a
thôn 13	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 32"	105° 49' 34"					E-48-8-D-a
thôn 14	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 22"	105° 49' 30"					E-48-8-D-a
thôn 15	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 23"	105° 49' 16"					E-48-8-D-a
thôn 16	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 34"	105° 49' 01"	19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương							E-48-8-D-a
xóm Đồng Tiến	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 19"	105° 49' 54"					E-48-8-D-a
xóm Hiền Bắc	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 54"	105° 49' 08"					E-48-8-D-a
xóm Hiền Lưu	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 00"	105° 49' 26"					E-48-8-D-a
xóm Hiền Nam	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 40"	105° 49' 23"					E-48-8-D-a
xóm Hiền Thắng	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 40' 46"	105° 49' 37"					E-48-8-D-a
xóm Mậu Tây	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 37"	105° 49' 19"					E-48-8-D-a
xóm Mậu Trung	DC	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương	19° 41' 05"	105° 49' 44"					E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Lưu	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 27"	105° 51' 03"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 45"	105° 50' 56"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 36"	105° 50' 46"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 57"	105° 50' 35"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 44"	105° 50' 20"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 44' 03"	105° 50' 13"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 48"	105° 50' 05"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương	19° 43' 53"	105° 49' 19"					E-48-8-D-a
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Minh	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-D-a
kênh B22	TV	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương			19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"	E-48-8-D-a, E-48-8-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
làng Bát Động	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 39' 45"	105° 45' 58"							E-48-8-D-a
thôn Bát Động 1	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 39' 50"	105° 46' 06"							E-48-8-D-a
thôn Bát Động 2	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 39' 50"	105° 45' 49"							E-48-8-D-a
thôn Bát Động 3	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 39' 35"	105° 45' 35"							E-48-8-D-a
thôn Gia Đại	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 07"	105° 45' 58"							E-48-8-D-a
thôn Gia Hăng	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 35"	105° 45' 46"							E-48-8-D-a
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"			E-48-8-C-b
thôn Kỳ Anh	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 30"	105° 45' 29"							E-48-8-D-a
thôn Kỳ Lan	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 30"	105° 45' 01"							E-48-8-D-a
làng Kỳ Vĩ	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 43"	105° 45' 11"							E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"			E-48-8-D-a
thôn Ngọc Trinh	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 49"	105° 45' 40"							E-48-8-D-a
làng Tam Uy	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 15"	105° 45' 29"							E-48-8-D-a
làng Thảng Phú	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 10"	105° 44' 02"							E-48-8-C-b
thôn Uy Bắc	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 27"	105° 45' 36"							E-48-8-D-a
núi Văn Trinh	SV	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 41' 01"	105° 45' 22"							E-48-8-D-a
thôn Xuân Mộc	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 39' 56"	105° 45' 29"							E-48-8-D-a
thôn Xuân Thảng	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 39' 42"	105° 44' 49"							E-48-8-C-b
thôn Yên Lăng	DC	xã Quảng Ngọc	H. Quảng Xương	19° 40' 42"	105° 46' 17"							E-48-8-D-a
Thôn Bắc	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 37' 18"	105° 49' 12"							E-48-8-D-c
Thôn Bình	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 37' 09"	105° 49' 09"							E-48-8-D-c
Thôn Điền	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 37' 09"	105° 49' 01"							E-48-8-D-c
Thôn Đông	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 49"	105° 49' 05"							E-48-8-D-c
Thôn Đức	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 37"	105° 49' 08"							E-48-8-D-c
Thôn Hải	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 55"	105° 49' 08"							E-48-8-D-c
Thôn Hoà	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 37' 01"	105° 49' 08"							E-48-8-D-c
cửa Lạch Ghép	TV	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 34' 32"	105° 48' 36"							E-48-8-D-c
Thôn Tân	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 35' 51"	105° 49' 04"							E-48-8-D-c
Thôn Thảng	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 42"	105° 49' 12"							E-48-8-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Thôn Thanh	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 59"	105° 49' 01"						E-48-8-D-c	
Thôn Thuận	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 41"	105° 49' 01"						E-48-8-D-c	
Thôn Tiến	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 36' 22"	105° 49' 08"						E-48-8-D-c	
Thôn Trung	DC	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương	19° 37' 14"	105° 49' 09"						E-48-8-D-c	
Sông Yên	TV	xã Quảng Nham	H. Quảng Xương			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"		E-48-8-D-c	
thôn 1	DC	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương	19° 42' 02"	105° 49' 23"						E-48-8-D-a	
thôn 2	DC	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương	19° 42' 32"	105° 49' 08"						E-48-8-D-a	
thôn 3	DC	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương	19° 42' 16"	105° 48' 40"						E-48-8-D-a	
thôn 4	DC	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương	19° 41' 43"	105° 48' 12"						E-48-8-D-a	
thôn 5	DC	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương	19° 41' 46"	105° 48' 12"						E-48-8-D-a	
thôn 6	DC	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương	19° 41' 37"	105° 48' 46"						E-48-8-D-a	
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"		E-48-8-D-a	
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Nhân	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"		E-48-8-D-a	
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"		E-48-8-D-a	
thôn Cống Trục	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 41' 40"	105° 47' 02"						E-48-8-D-a	
cầu Dân Cau	KX	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 41' 52"	105° 47' 02"						E-48-8-D-a	
Sông Lý	TV	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"		E-48-8-D-a	
thôn Ninh Dự	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 41' 57"	105° 46' 44"						E-48-8-D-a	
thôn Ninh Phạm	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 41' 50"	105° 47' 24"						E-48-8-D-a	
thôn Ninh Phúc	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 42' 11"	105° 47' 17"						E-48-8-D-a	
thôn Ninh Thái	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 42' 26"	105° 46' 44"						E-48-8-D-a	
thôn Ninh Thọ	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 41' 56"	105° 46' 08"						E-48-8-D-a	
thôn Ninh Ước	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 42' 39"	105° 47' 28"						E-48-8-D-a	
thôn Phúc Thành	DC	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 42' 38"	105° 47' 13"						E-48-8-D-a	
Cầu Trục	KX	xã Quảng Ninh	H. Quảng Xương	19° 41' 33"	105° 47' 06"						E-48-8-D-a	
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"		E-48-8-D-a	
thôn Bái Thịnh	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 42' 50"	105° 46' 26"						E-48-8-D-a	
thôn Bái Vàng	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 11"	105° 46' 09"						E-48-8-D-a	
thôn Chính Trung	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 26"	105° 47' 01"						E-48-8-D-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Cổng Dẽ	KX	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 42' 58"	105° 46' 55"							E-48-8-D-a
thôn Đông Đa	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 43"	105° 47' 15"							E-48-8-D-a
thôn Đồng Vông	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 15"	105° 45' 54"							E-48-8-D-a
thôn Làng Mới	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 42' 45"	105° 45' 32"							E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"			E-48-8-D-a
Công ty cổ phần Phước An ISUZU	KX	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 27"	105° 46' 52"							E-48-8-D-a
thôn Thanh Trung	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 17"	105° 45' 29"							E-48-8-D-a
thôn Tri Hoà	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 39"	105° 46' 42"							E-48-8-D-a
thôn Trung Phong	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 08"	105° 46' 52"							E-48-8-D-a
thôn Ước Ngoại	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 42' 51"	105° 47' 20"							E-48-8-D-a
thôn Xóm Khang	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 42' 46"	105° 46' 16"							E-48-8-D-a
thôn Xóm Lương	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 42' 31"	105° 45' 47"							E-48-8-D-a
thôn Xuân Uyên	DC	xã Quảng Phong	H. Quảng Xương	19° 43' 24"	105° 47' 13"							E-48-8-D-a
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"			E-48-8-C-b
thôn Ngọc Đới 1	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương	19° 39' 30"	105° 43' 55"							E-48-8-C-b
thôn Ngọc Đới 2	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương	19° 39' 33"	105° 43' 16"							E-48-8-C-b
thôn Ngọc Đới 3	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương	19° 39' 25"	105° 43' 12"							E-48-8-C-b
thôn Ngọc Đới 4	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương	19° 39' 22"	105° 43' 16"							E-48-8-C-b
thôn Thanh Minh	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương	19° 38' 39"	105° 43' 30"							E-48-8-C-b
thôn Văn Bình	DC	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương	19° 38' 34"	105° 43' 52"							E-48-8-C-b
Sông Yên	TV	xã Quảng Phúc	H. Quảng Xương			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"			E-48-8-C-b
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"			E-48-8-D-a, E-48-8-B-c
thôn Dục Tú	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 24"	105° 46' 37"							E-48-8-D-a
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"			E-48-8-B-c
thôn Tân Cổ	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 45' 06"	105° 46' 52"							E-48-8-B-c
thôn Tân Đa	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 11"	105° 46' 34"							E-48-8-D-a
thôn Tân Đắc	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 16"	105° 46' 34"							E-48-8-D-a
thôn Tân Đoài	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 18"	105° 46' 59"							E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tân Hậu	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 55"	105° 47' 06"							E-48-8-D-a
thôn Tân Hoa	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 42"	105° 47' 24"							E-48-8-D-a
thôn Tân Hưng	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 26"	105° 46' 44"							E-48-8-D-a
thôn Tân Thượng	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 43' 55"	105° 46' 37"							E-48-8-D-a
thôn Tân Tiền	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 44' 31"	105° 46' 59"							E-48-8-D-a
thôn Tân Trúc	DC	xã Quảng Tân	H. Quảng Xương	19° 45' 04"	105° 47' 24"							E-48-8-B-c
Núi Đò	SV	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 53"	105° 48' 11"							E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"			E-48-8-D-a, E-48-8-D-c
Núi Nhát	SV	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 38' 09"	105° 48' 11"							E-48-8-D-a
thôn Sơn Lâm	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 49"	105° 48' 40"							E-48-8-D-a
thôn Thạch Bắc	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 39"	105° 49' 19"							E-48-8-D-a
thôn Thạch Đông	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 18"	105° 48' 50"							E-48-8-D-c
thôn Thạch Hải	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 30"	105° 49' 01"							E-48-8-D-c
thôn Thạch Nam	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 22"	105° 49' 16"							E-48-8-D-a
thôn Thạch Ngọc	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 53"	105° 48' 07"							E-48-8-D-a
thôn Thạch Tiến	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 28"	105° 49' 08"							E-48-8-D-c
thôn Thạch Trung	DC	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 37' 45"	105° 48' 00"							E-48-8-D-a
Núi Tó	SV	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương	19° 38' 13"	105° 48' 18"							E-48-8-D-a
Sông Yên	TV	xã Quảng Thạch	H. Quảng Xương			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"			E-48-8-D-c
thôn 1	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 40' 47"	105° 50' 06"							E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 40' 42"	105° 50' 13"							E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 40' 30"	105° 50' 13"							E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 40' 14"	105° 50' 02"							E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 40' 21"	105° 49' 59"							E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 40' 05"	105° 49' 52"							E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 39' 53"	105° 49' 55"							E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 39' 38"	105° 49' 48"							E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 39' 18"	105° 49' 44"							E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
thôn 10	DC	xã Quảng Thái	H. Quảng Xương	19° 39' 04"	105° 49' 41"							E-48-8-D-a
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"			E-48-8-D-a
Sông Mã	TV	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương					20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
thôn Thọ Đài	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 45' 08"	105° 51' 47"							E-48-8-B-c
thôn Thọ Đồn	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 51"	105° 51' 25"							E-48-8-D-a
thôn Thọ Khang	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 45' 13"	105° 51' 14"							E-48-8-B-c
thôn Thọ Kính	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 41"	105° 51' 14"							E-48-8-D-a
thôn Thọ Mới	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 57"	105° 51' 50"							E-48-8-D-a
thôn Thọ Phú	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 31"	105° 51' 50"							E-48-8-D-a
thôn Thọ Phúc	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 45' 33"	105° 51' 29"							E-48-8-B-c
thôn Thọ Thái	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 45' 20"	105° 51' 22"							E-48-8-B-c
thôn Thọ Thông	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 49"	105° 50' 56"							E-48-8-D-a
thôn Thọ Trại	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 45"	105° 51' 36"							E-48-8-D-a
thôn Thọ Trúc	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 45' 09"	105° 51' 36"							E-48-8-B-c
thôn Thọ Trung	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 52"	105° 51' 17"							E-48-8-D-a
thôn Thọ Văn	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 44' 36"	105° 51' 54"							E-48-8-D-a
thôn Thọ Vinh	DC	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương	19° 45' 18"	105° 51' 43"							E-48-8-B-c
sông Thống Nhất	TV	xã Quảng Thọ	H. Quảng Xương			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"			E-48-8-B-c
quốc lộ 45	KX	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương					20° 10' 25"	105° 46' 05"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-C-b, E-48-8-D-a
thôn Hồng 1	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 46"	105° 45' 58"							E-48-8-D-a
thôn Hồng 2	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 50"	105° 46' 05"							E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"			E-48-8-D-a, E-48-8-C-b
sông Nhà Lê	TV	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương			19° 47' 32"	105° 45' 11"	19° 44' 24"	105° 44' 42"			E-48-8-B-c, E-48-8-C-b, E-48-8-D-a
thôn Phúc 1	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 43' 56"	105° 45' 00"							E-48-8-D-a
thôn Phúc 2	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 43' 45"	105° 45' 07"							E-48-8-D-a
thôn Trạch 1	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 37"	105° 45' 00"							E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Trạch 2	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 42"	105° 44' 53"					E-48-8-C-b
thôn Trạch 3	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 34"	105° 44' 49"					E-48-8-C-b
thôn Trạch 4	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 24"	105° 44' 49"					E-48-8-C-b
thôn Trạch Cầu	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 20"	105° 45' 47"					E-48-8-D-a
thôn Trạch Đồng	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 31"	105° 45' 54"					E-48-8-D-a
thôn Trạch Khang	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 02"	105° 45' 25"					E-48-8-D-a
thôn Trạch Khê	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 09"	105° 45' 22"					E-48-8-D-a
thôn Trạch Nhân	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 44' 43"	105° 45' 11"					E-48-8-D-a
thôn Trạch Trung	DC	xã Quảng Trạch	H. Quảng Xương	19° 43' 40"	105° 45' 58"					E-48-8-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c
Cầu Ghép	KX	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 35' 47"	105° 47' 24"					E-48-8-D-c
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"	E-48-8-D-a, E-48-8-D-c
làng Lộc Tiến	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 43"	105° 46' 52"					E-48-8-D-c
thôn Lộc Tiến 1	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 42"	105° 47' 03"					E-48-8-D-c
thôn Lộc Tiến 2	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 45"	105° 46' 44"					E-48-8-D-c
thôn Ngọc Trà 1	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 17"	105° 47' 02"					E-48-8-D-c
thôn Ngọc Trà 2	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 25"	105° 46' 45"					E-48-8-D-c
làng Thạch Tiến	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 46"	105° 47' 24"					E-48-8-D-c
thôn Thạch Tiến 1	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 44"	105° 47' 25"					E-48-8-D-c
thôn Thạch Tiến 2	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 52"	105° 47' 14"					E-48-8-D-c
thôn Trung Dũng	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 26"	105° 46' 15"					E-48-8-D-c
thôn Trung Nhân	DC	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 19"	105° 46' 54"					E-48-8-D-c
Đò Tuần	KX	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương	19° 36' 23"	105° 45' 43"					E-48-8-D-c
Sông Yên	TV	xã Quảng Trung	H. Quảng Xương			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"	E-48-8-D-c
kênh B22	TV	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương			19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"	E-48-8-D-a
thôn Châu Thanh	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương	19° 39' 03"	105° 45' 58"					E-48-8-D-a
thôn Đồng Tiến	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương	19° 39' 45"	105° 46' 30"					E-48-8-D-a
thôn Lộc Trường	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương	19° 39' 26"	105° 46' 41"					E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Sông Lý	TV	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương			19° 39' 12"	105° 45' 32"	19° 39' 12"	105° 46' 52"	19° 38' 16"	105° 45' 58"	E-48-8-D-a
thôn Phú Cường	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương			19° 39' 12"	105° 45' 32"					E-48-8-D-a
thôn Phúc Lộc	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương			19° 40' 01"	105° 46' 16"					E-48-8-D-a
thôn Phúc Lợi	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương			19° 39' 58"	105° 46' 55"					E-48-8-D-a
thôn Thịnh Bình	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương			19° 39' 03"	105° 46' 23"					E-48-8-D-a
thôn Trung Đông	DC	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương			19° 39' 10"	105° 46' 12"					E-48-8-D-a
Núi Trường	SV	xã Quảng Trường	H. Quảng Xương			19° 38' 36"	105° 45' 43"					E-48-8-D-a
kênh B22	TV	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương					19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"	E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương					19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 39' 45"	105° 44' 04"	E-48-8-C-b
thôn Quang Minh	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 41' 33"	105° 44' 13"					E-48-8-C-b
thôn Sơn Đình	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 41' 12"	105° 44' 49"					E-48-8-C-b
thôn Trang Thành	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 40' 54"	105° 44' 49"					E-48-8-C-b
thôn Văn Đông	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 40' 30"	105° 44' 10"					E-48-8-C-b
thôn Văn Giang	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 41' 45"	105° 44' 20"					E-48-8-C-b
thôn Văn Kim	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 40' 51"	105° 43' 41"					E-48-8-C-b
thôn Văn Lâm	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 40' 34"	105° 43' 34"					E-48-8-C-b
thôn Văn Môn	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 41' 34"	105° 44' 24"					E-48-8-C-b
thôn Văn Phong	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 42' 04"	105° 44' 02"					E-48-8-C-b
núi Văn Trinh	SV	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 41' 01"	105° 45' 22"					E-48-8-D-a
thôn Văn Trung	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 41' 39"	105° 43' 55"					E-48-8-C-b
thôn Yên Hưng	DC	xã Quảng Văn	H. Quảng Xương			19° 41' 18"	105° 44' 28"					E-48-8-C-b
Sông Đơ	TV	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương					19° 46' 20"	105° 53' 20"	19° 43' 37"	105° 52' 37"	E-48-8-D-b
thôn Đông Bắc 1	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương			19° 43' 40"	105° 52' 05"					E-48-8-D-a
thôn Đông Bắc 2	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương			19° 43' 34"	105° 52' 01"					E-48-8-D-a
thôn Đông Bắc 3	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương			19° 43' 30"	105° 51' 50"					E-48-8-D-a
thôn Đông Bắc 4	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương			19° 43' 21"	105° 51' 47"					E-48-8-D-a
thôn Đông Bắc 5	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương			19° 43' 11"	105° 51' 36"					E-48-8-D-a
thôn Thanh Minh 1	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương			19° 44' 05"	105° 52' 23"					E-48-8-D-a
thôn Thanh Minh 2	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương			19° 43' 51"	105° 52' 26"					E-48-8-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Thanh Minh 3	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 49"	105° 52' 19"							E-48-8-D-a
thôn Thanh Minh 4	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 45"	105° 52' 19"							E-48-8-D-a
thôn Thanh Minh 5	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 42"	105° 52' 12"							E-48-8-D-a
thôn Thống Nhất 1	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 43' 44"	105° 51' 29"							E-48-8-D-a
thôn Thống Nhất 2	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 44' 01"	105° 51' 40"							E-48-8-D-a
thôn Thống Nhất 3	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 44' 14"	105° 51' 47"							E-48-8-D-a
thôn Thống Nhất 4	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 44' 19"	105° 51' 29"							E-48-8-D-a
thôn Thống Nhất 5	DC	xã Quảng Vinh	H. Quảng Xương	19° 44' 06"	105° 51' 18"							E-48-8-D-a
thôn 1	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 34"	105° 44' 29"							E-48-8-C-b
thôn 2	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 29"	105° 44' 28"							E-48-8-C-b
thôn 3	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 11"	105° 44' 56"							E-48-8-C-b
thôn 4	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 09"	105° 44' 19"							E-48-8-C-b
thôn 5	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 24"	105° 44' 00"							E-48-8-C-b
thôn 6	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 13"	105° 43' 49"							E-48-8-C-b
thôn 7	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 38' 39"	105° 44' 54"							E-48-8-C-b
thôn 8	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 38' 32"	105° 45' 08"							E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 38' 25"	105° 45' 26"							E-48-8-D-a
thôn 10	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 38' 19"	105° 45' 44"							E-48-8-D-a
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 36' 31"	105° 46' 34"			E-48-8-D-a
Sông Lý	TV	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương			19° 39' 12"	105° 46' 52"	19° 38' 16"	105° 45' 58"			E-48-8-D-a
làng Ngọc Nhị	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 16"	105° 43' 52"							E-48-8-C-b
làng Phúc Tâm	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 39' 29"	105° 44' 31"							E-48-8-C-b
Núi Trường	SV	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 38' 36"	105° 45' 43"							E-48-8-D-a
làng Văn Sơn	DC	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương	19° 38' 35"	105° 44' 56"							E-48-8-C-b
Sông Yên	TV	xã Quảng Vọng	H. Quảng Xương			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"			E-48-8-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"			E-48-8-C-b
kênh B22	TV	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương			19° 44' 12"	105° 44' 49"	19° 38' 56"	105° 46' 37"			E-48-8-C-b
thôn Chín Cảnh	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 55"	105° 44' 02"							E-48-8-C-b
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương			19° 43' 55"	105° 42' 41"	19° 39' 45"	105° 44' 04"			E-48-8-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Lý	TV	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương			19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 37' 09"	105° 48' 47"	E-48-8-D-a, E-48-8-C-b		
Sông Hoàng	TV	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-C-b		
thôn Vực 1	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 33"	105° 44' 31"					E-48-8-C-b		
thôn Vực 2	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 45"	105° 44' 31"					E-48-8-C-b		
thôn Yên Bình	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 44' 01"	105° 43' 23"					E-48-8-C-b		
thôn Yên Cảnh	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 44' 20"	105° 44' 38"					E-48-8-C-b		
thôn Yên Cổ	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 07"	105° 43' 01"					E-48-8-C-b		
thôn Yên Đào	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 24"	105° 43' 55"					E-48-8-C-b		
thôn Yên Đoài	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 44' 12"	105° 43' 34"					E-48-8-C-b		
thôn Yên Đông	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 44' 14"	105° 43' 52"					E-48-8-C-b		
thôn Yên Duệ	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 21"	105° 43' 19"					E-48-8-C-b		
thôn Yên Khang	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 44' 00"	105° 43' 12"					E-48-8-C-b		
thôn Yên Ninh	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 58"	105° 43' 05"					E-48-8-C-b		
thôn Yên Phú	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 56"	105° 42' 50"					E-48-8-C-b		
thôn Yên Trung	DC	xã Quảng Yên	H. Quảng Xương	19° 43' 35"	105° 43' 48"					E-48-8-C-b		
khu 1	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 22' 13"	105° 05' 53"					F-48-91-A-a		
khu 2	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 23' 05"	105° 06' 02"					F-48-91-A-a		
khu 3	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 23' 01"	105° 06' 08"					F-48-91-A-a		
khu 4	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 22' 51"	105° 06' 22"					F-48-91-A-a		
khu 5	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 22' 35"	105° 06' 52"					F-48-91-A-a		
khu 6	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 22' 14"	105° 07' 12"					F-48-91-A-c		
khu 7	DC	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 22' 22"	105° 07' 12"					F-48-91-A-c		
quốc lộ 15A	KX	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c		
Sông Má	TV	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c, F-48-91-A-d		
cầu Na Sài	KX	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 22' 19"	105° 07' 26"					F-48-91-A-c		
Pha Tam	SV	TT. Quan Hóa	H. Quan Hoá	20° 23' 12"	105° 07' 24"					F-48-91-A-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 520	KX	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-B
Suối Báng	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 26' 23"	104° 53' 17"	20° 26' 41"	104° 52' 37"	F-48-90-B
Suối Báu	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 24' 50"	104° 50' 02"	20° 25' 39"	104° 50' 38"	F-48-90-B
Bản Bó	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 25' 19"	104° 52' 04"					F-48-90-B
Bản Chại	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 24' 48"	104° 52' 38"					F-48-90-B
núi Chéo Phe	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 28' 46"	104° 50' 26"					F-48-90-B
Núi Chiềng	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 26' 22"	104° 49' 11"					F-48-90-B
Pu Côn	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 27' 14"	104° 48' 57"					F-48-90-B
Pu Đen	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 28' 39"	104° 49' 24"					F-48-90-B
Pu È	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 29' 17"	104° 51' 14"					F-48-90-B
Bản Hai	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 25' 29"	104° 51' 20"					F-48-90-B
Bản Hán	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 25' 36"	104° 51' 42"					F-48-90-B
pu Hu Luông	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 29' 53"	104° 52' 08"					F-48-90-B
pu Hu Nội	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 29' 38"	104° 52' 58"					F-48-90-B
Póm Khện	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 27' 15"	104° 50' 26"					F-48-90-B
Suối Khiết	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 24' 30"	104° 43' 03"	20° 22' 18"	104° 55' 38"	F-48-90-B
Pom Khoai	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 24' 21"	104° 50' 16"					F-48-90-B
Pom Khoẻ	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 26' 30"	104° 53' 49"					F-48-90-B
Bản Lóp	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 25' 33"	104° 50' 51"					F-48-90-B
Pu Mỏ	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 24' 17"	104° 51' 03"					F-48-90-B
Pu Ôi	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 23' 24"	104° 48' 24"					F-48-90-B
Suối Ôn	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 25' 28"	104° 49' 01"	20° 26' 03"	104° 49' 44"	F-48-90-B
pom Pa Lòong	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 24' 22"	104° 51' 55"					F-48-90-B
pom Pha Khao	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 24' 58"	104° 54' 03"					F-48-90-B
Bản Pheo	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 25' 57"	104° 51' 56"					F-48-90-B
Suối Pheo	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 27' 19"	104° 51' 50"	20° 25' 26"	104° 52' 02"	F-48-90-B
pom Sam Mường	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 27' 48"	104° 53' 29"					F-48-90-B
Suối Tâm	TV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá			20° 28' 55"	104° 52' 34"	20° 27' 19"	104° 51' 50"	F-48-90-B
kéo Thắm Pu	SV	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 24' 37"	104° 47' 55"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Yên	DC	xã Hiền Chung	H. Quan Hoá	20° 27' 33"	104° 51' 52"						F-48-90-B	
đường tỉnh 520	KX	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"		F-48-90-B	
núi Bần Xá	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 24' 35"	104° 48' 33"						F-48-90-B	
Núi Cây	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 24' 37"	104° 47' 55"						F-48-90-B	
Suối Cây	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 24' 22"	104° 46' 08"	20° 25' 19"	104° 45' 58"		F-48-90-B	
Bản Cháo	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 25' 29"	104° 46' 17"						F-48-90-B	
bản Chiềng Cắm	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 26' 13"	104° 49' 38"						F-48-90-B	
bản Chiềng Hìn	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 25' 57"	104° 49' 47"						F-48-90-B	
Pu Đen	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 28' 39"	104° 49' 24"						F-48-90-B	
Đồn Biên phòng Hiền Kiệt	KX	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 26' 13"	104° 48' 07"						F-48-90-B	
Bản Ho	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 24' 55"	104° 44' 52"						F-48-90-A	
Suối Ho	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 23' 51"	104° 45' 25"	20° 25' 04"	104° 44' 56"		F-48-90-A	
Suối Húng	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 25' 42"	104° 44' 02"	20° 24' 55"	104° 44' 49"		F-48-90-A	
núi Kéo Hồng	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 27' 17"	104° 46' 16"						F-48-90-B	
Suối Khiết	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 24' 30"	104° 43' 03"	20° 22' 18"	104° 55' 38"		F-48-90-A, F-48-90-B	
Kéo Lý	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 26' 25"	104° 45' 39"						F-48-90-B	
póm Nam Kheo	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 27' 14"	104° 48' 57"						F-48-90-B	
pu Pin Lầu	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 27' 58"	104° 47' 14"						F-48-90-B	
núi Poom Sơn	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 25' 21"	104° 43' 51"						F-48-90-A	
bản Poọng 1	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 26' 04"	104° 48' 39"						F-48-90-B	
bản Poọng 2	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 26' 13"	104° 48' 23"						F-48-90-B	
Bản San	DC	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 26' 41"	104° 47' 24"						F-48-90-B	
Suối San	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 27' 00"	104° 46' 59"	20° 26' 13"	104° 48' 04"		F-48-90-B	
póm Tai Xáy	SV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá	20° 23' 32"	104° 44' 27"						F-48-90-A	
suối Tra Lát	TV	xã Hiền Kiệt	H. Quan Hoá			20° 25' 47"	104° 44' 56"	20° 25' 16"	104° 45' 47"		F-48-90-A, F-48-90-B	
đường tỉnh 520	KX	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"		F-48-91-A-a	
quốc lộ 15A	KX	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"		F-48-91-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Bản Ban	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 37"	105° 05' 46"					F-48-91-A-a
Pu Bàn	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 38"	105° 00' 23"					F-48-91-A-a
núi Bốc Mu	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 35"	105° 04' 52"					F-48-91-A-a
pu Châu Ngậu	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 20"	105° 06' 07"					F-48-91-A-a
pha Co Cá	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 10"	105° 05' 17"					F-48-91-A-a
Bản Cốc	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 37"	105° 03' 23"					F-48-91-A-a
suối Cơm Hạo	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 27' 08"	105° 03' 58"	20° 26' 50"	105° 03' 04"	F-48-91-A-a
Pờm Đồn	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 42"	105° 06' 45"					F-48-91-A-a
pờm Đông Chu Dưới	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 10"	105° 02' 12"					F-48-91-A-a
pờm Đông Chu Trên	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 57"	105° 01' 35"					F-48-91-A-a
núi Đông Vòng	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 07"	105° 02' 41"					F-48-91-A-a
Pha Giang	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 23"	105° 04' 20"					F-48-91-A-a
Pha Hạm	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 00"	105° 07' 01"					F-48-91-A-a
núi Hang Ma	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 19"	105° 04' 00"					F-48-91-A-a
cầu Hồi Xuân	KX	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 40"	105° 05' 10"					F-48-91-A-a
khu phố Hồi Xuân	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 19"	105° 05' 41"					F-48-91-A-a
Bản Khảm	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 37"	105° 05' 28"					F-48-91-A-a
Bản Khó	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 44"	105° 06' 18"					F-48-91-A-a
Suối Khó	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 25' 47"	105° 05' 45"	20° 23' 26"	105° 05' 31"	F-48-91-A-a
pha Linh Non	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 02"	105° 06' 39"					F-48-91-A-a
Sông Lò	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá							F-48-91-A-a
Nậm Lung	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá							F-48-91-A-a
Pu Luông	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 06"	105° 07' 02"			20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c
Sông Luông	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 22' 43"	105° 05' 13"	20° 22' 24"	105° 05' 46"	F-48-91-A-c
Sông Mả	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá							F-48-91-A-a
Pha Mò	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 49"	105° 06' 24"	20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-91-A-a
Bản Mướp	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 46"	105° 03' 52"	20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c
Dốc Mướp	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 10"	105° 03' 42"					F-48-91-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Mướp	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá					20° 26' 38"	105° 04' 48"	20° 25' 36"	105° 03' 32"	F-48-91-A-a
Bản Nghèo	DC	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 31"	105° 05' 54"							F-48-91-A-a
Pu Ngừa	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 38"	105° 07' 01"							F-48-91-A-a
Pu Ông	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 29"	105° 01' 23"							F-48-91-A-a
núi Pa Chiêng	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 31"	105° 06' 57"							F-48-91-A-a
pom Pa Co	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 25"	105° 03' 00"							F-48-91-A-a
pom Pa Láy	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 32"	105° 03' 22"							F-48-91-A-a
Pu Púng	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 40"	105° 02' 12"							F-48-91-A-a
Pha Tam	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 12"	105° 07' 24"							F-48-91-A-a
Suối Tỏi	TV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá			20° 24' 32"	105° 00' 58"	20° 25' 19"	105° 03' 25"			F-48-91-A-a
Pha Tôm	SV	xã Hồi Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 54"	105° 04' 45"							F-48-91-A-a
đường tỉnh 520	KX	xã Nam Động	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"			F-48-90-B
Bản Bát	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 20' 53"	104° 57' 57"							F-48-90-B
Bản Báu	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 20' 04"	104° 51' 10"							F-48-90-B
Suối Báu	TV	xã Nam Động	H. Quan Hoá			20° 20' 46"	104° 50' 28"	20° 19' 56"	104° 51' 25"			F-48-90-B
Bản Chiêng	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 23"	104° 55' 50"							F-48-90-B
Pu Cút	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 18' 28"	104° 53' 28"							F-48-90-B
Phá Đáy	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 20' 41"	104° 51' 18"							F-48-90-B
Huổi Đe	TV	xã Nam Động	H. Quan Hoá			20° 20' 20"	104° 57' 46"	20° 18' 00"	105° 00' 22"			F-48-90-B
Phá Đứng	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 24"	104° 54' 31"							F-48-90-B
núi Hín Hài	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 21' 37"	104° 50' 32"							F-48-90-B
Phá Huốt	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 21' 19"	104° 55' 36"							F-48-90-B
pom Keo Cốc	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 24"	104° 54' 30"							F-48-90-B
Suối Khiết	TV	xã Nam Động	H. Quan Hoá			20° 24' 30"	104° 43' 03"	20° 22' 18"	104° 55' 38"			F-48-90-B
Bản Khương	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 38"	104° 56' 55"							F-48-90-B
Bản Làng	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 32"	104° 56' 42"							F-48-90-B
Bản Lờ	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 20' 37"	104° 53' 48"							F-48-90-B
Sông Luồng	TV	xã Nam Động	H. Quan Hoá			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"			F-48-90-B
pom Mực Ngách	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 09"	104° 51' 44"							F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Pom Mười	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 23' 38"	104° 56' 39"					F-48-90-B
póm Nà Cối	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 19' 16"	104° 52' 54"					F-48-90-B
pha Nặm Giết	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 21' 18"	104° 53' 42"					F-48-90-B
Phá Ngách	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 22' 08"	104° 57' 56"					F-48-90-B
Bản Nót	DC	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 20' 56"	104° 50' 12"					F-48-90-B
núi Pa Sắn	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 20' 46"	104° 48' 37"					F-48-90-B
Phá Phánh	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 18' 36"	104° 52' 15"					F-48-90-B
Pu Tác	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 23' 10"	104° 55' 37"					F-48-90-B
pom Trà Khót	SV	xã Nam Động	H. Quan Hoá	20° 21' 42"	104° 57' 00"					F-48-90-B
đường tỉnh 520	KX	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-B, F-48-91-A-a
Suối Bón	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 21' 52"	104° 58' 26"	20° 22' 35"	104° 59' 13"	F-48-90-B
Pu Bưởi	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 26' 01"	104° 58' 16"					F-48-90-B
núi Căng Phó	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 24' 10"	104° 56' 06"					F-48-90-B
núi Cha Thượng	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 28' 14"	104° 56' 38"					F-48-90-B
núi Chọ Lọc	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 28' 21"	104° 55' 49"					F-48-90-B
núi Chom Lénh	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 27' 23"	104° 57' 34"					F-48-90-B
bản Cốc 1	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 25' 23"	104° 56' 56"					F-48-90-B
bản Cốc 2	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 25' 38"	104° 56' 40"					F-48-90-B
bản Cốc 3	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 26' 43"	104° 56' 35"					F-48-90-B
Bản Cua	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 24' 50"	104° 57' 27"					F-48-90-B
Suối Cua	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 27' 01"	104° 57' 43"	20° 24' 49"	104° 57' 22"	F-48-90-B
Bản Cùm	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 25' 56"	104° 57' 43"					F-48-90-B
Pom Đé	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 28' 11"	104° 55' 34"					F-48-90-B
pu Hu Nọi	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 29' 38"	104° 52' 58"					F-48-90-B
núi Hua Khoái	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 55"	104° 58' 57"					F-48-90-B
pom Huổi Bo	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 20' 58"	105° 00' 38"					F-48-91-A-c
Suối Ken	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 21' 10"	105° 00' 18"	20° 22' 50"	104° 59' 17"	F-48-91-A-c, F-48-90-B
bản Ken 1	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 22' 38"	104° 59' 13"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Ken 2	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 22' 20"	104° 59' 19"					F-48-90-B
Pu Kha	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 24' 21"	104° 59' 24"					F-48-90-B
Suối Khá	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 24' 14"	104° 59' 02"	20° 23' 41"	104° 58' 12"	F-48-90-B
bản Khang 1	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 25"	104° 58' 10"					F-48-90-B
bản Khang 2	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 47"	104° 57' 52"					F-48-90-B
Pom Khoè	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 26' 30"	104° 53' 49"					F-48-90-B
Pom Lau	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 20' 18"	104° 59' 19"					F-48-90-B
Bản Lép	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 22' 51"	105° 00' 02"					F-48-90-B
Sông Luồng	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-91-A-a, F-48-90-B
Pu Mai	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 24' 47"	104° 58' 49"					F-48-90-B
Pom Mười	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 38"	104° 56' 39"					F-48-90-B
Bản Ngà	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 07"	104° 57' 30"					F-48-90-B
Suối Ngà	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 27' 21"	104° 55' 23"	20° 23' 21"	104° 58' 08"	F-48-90-B
Pha Ngách	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 22' 08"	104° 57' 56"					F-48-90-B
Pha Nhụng	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 24' 18"	104° 54' 59"					F-48-90-B
Suối Pan	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 23' 54"	104° 59' 35"	20° 22' 46"	104° 59' 31"	F-48-90-B
núi Pha Chơm	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 25' 03"	104° 54' 49"					F-48-90-B
bản Phở Mới	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 17"	104° 58' 07"					F-48-90-B
Suối Phúc	TV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá			20° 25' 09"	104° 58' 19"	20° 24' 24"	104° 57' 47"	F-48-90-B
núi Pom Ten	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 26' 31"	104° 56' 22"					F-48-90-B
pom Sam Mường	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 27' 48"	104° 53' 29"					F-48-90-B
núi Sắn Đồn	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 26' 55"	104° 54' 39"					F-48-90-B
núi Tàng Tầm	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 24' 09"	105° 00' 43"					F-48-91-A-a
bản Tiến Lập	DC	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 23' 24"	104° 58' 25"					F-48-90-B
Núi Xai	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 21' 22"	104° 58' 50"					F-48-90-B
Núi Xóm	SV	xã Nam Tiến	H. Quan Hoá	20° 26' 44"	104° 58' 10"					F-48-90-B
Đội 3	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 22' 31"	105° 00' 52"					F-48-91-A-a
đường tỉnh 520	KX	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-91-A-a, F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Ánh Mạ	TV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá					20° 24' 04"	105° 03' 04"	20° 23' 45"	105° 03' 29"	F-48-91-A-a
Pu Bai	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 33"	105° 02' 41"							F-48-91-A-c
núi Buốc Mu Luông	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 17"	105° 04' 13"							F-48-91-A-a
Bản Bút	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 22' 41"	105° 03' 49"							F-48-91-A-a
Pu Cạn	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 20' 44"	105° 02' 32"							F-48-91-A-c
pu Có Nọi	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 20' 57"	105° 01' 53"							F-48-91-A-c
pom Đông Chu Dưới	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 10"	105° 02' 12"							F-48-91-A-a
pom Đông Chu Trên	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 57"	105° 01' 35"							F-48-91-A-a
Pha Đun	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 56"	105° 01' 29"							F-48-91-A-c
bản Đun Pù	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 51"	105° 01' 50"							F-48-91-A-c
núi Hang Ma	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 19"	105° 04' 00"							F-48-91-A-a
pom Huổi Bo	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 20' 58"	105° 00' 38"							F-48-91-A-c
Bản Khuông	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 22' 29"	105° 01' 28"							F-48-91-A-a
Sông Luông	TV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"			F-48-91-A-a, F-48-91-A-c
pha Muống	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 49"	105° 04' 12"							F-48-91-A-c
bản Na Cốc	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 23' 05"	105° 03' 11"							F-48-91-A-a
bản Na Lặc	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 22' 49"	105° 03' 09"							F-48-91-A-a
bản Nam Tân	DC	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 22' 28"	105° 02' 02"							F-48-91-A-a
pom Pa Co	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 25"	105° 03' 00"							F-48-91-A-a
núi Pa Đay	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 25"	105° 03' 42"							F-48-91-A-c
pom Pa Láy	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 32"	105° 03' 22"							F-48-91-A-a
núi Tàng Tâm	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 24' 09"	105° 00' 43"							F-48-91-A-a
núi Tén Luông	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 11"	105° 03' 42"							F-48-91-A-c
núi Tre Luông	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 20' 56"	105° 03' 08"							F-48-91-A-c
núi Xa La	SV	xã Nam Xuân	H. Quan Hoá	20° 21' 08"	105° 03' 09"							F-48-91-A-c
quốc lộ 15A	KX	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"			F-48-79-C-c
quốc lộ 15C	KX	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"			F-48-79-C-c
Suối Bải	TV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá			20° 31' 31"	105° 01' 37"	20° 31' 16"	105° 01' 23"			F-48-79-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Buốc Pát	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 33' 28"	105° 02' 38"					F-48-79-C-c
pha Càng Cúp	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 32' 35"	105° 01' 36"					F-48-79-C-c
núi Co Đỉnh	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 32' 53"	105° 02' 04"					F-48-79-C-c
pom Co Lềm	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 31' 31"	105° 02' 19"					F-48-79-C-c
núi Cong Hùm	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 30' 39"	105° 04' 41"					F-48-79-C-c
Pha Đan	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 33' 59"	105° 03' 37"					F-48-79-C-c
Bản Đuóm	DC	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 32' 15"	105° 03' 35"					F-48-79-C-c
Bản Hang	DC	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 31' 52"	105° 04' 39"					F-48-79-C-c
Thung Hang	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 32' 32"	105° 05' 54"					F-48-79-C-c
Sông Mã	TV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-79-C-c
Pha Nọi	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 32' 41"	105° 01' 20"					F-48-79-C-c
núi Pa Co	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 33' 05"	105° 02' 19"					F-48-79-C-c
thảm Pá Co	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 30' 30"	105° 03' 08"					F-48-79-C-c
pom Pá Hịa	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 31' 27"	105° 02' 41"					F-48-79-C-c
pom Pha Lòong	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 33' 43"	105° 03' 03"					F-48-79-C-c
Suối Pưng	TV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá			20° 30' 23"	105° 06' 04"	20° 32' 17"	105° 01' 05"	F-48-79-C-c
núi Ruồi Bá	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 32' 40"	105° 01' 48"					F-48-79-C-c
Bản Sại	DC	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 32' 04"	105° 01' 08"					F-48-79-C-c
bản Tân Phúc	DC	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 32' 12"	105° 02' 37"					F-48-79-C-c
núi Thung Pa Hịa	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 33' 03"	105° 05' 20"					F-48-79-C-c
bản Ca Me	DC	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 23' 21"	105° 08' 37"					F-48-91-A-b
bản Đồng Tâm	DC	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 23' 38"	105° 08' 43"					F-48-91-A-b
Pu Đoóc	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 23' 17"	105° 09' 49"					F-48-91-A-b
Pha Hạm	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 24' 43"	105° 07' 21"					F-48-91-A-a
Pu Hò	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 24' 18"	105° 09' 42"					F-48-91-A-b
Pu Luông	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 24' 30"	105° 09' 12"					F-48-91-A-b
Sông Mã	TV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d, F-48-91-A-c
núi Pa Tén	SV	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 22' 21"	105° 09' 33"					F-48-91-A-d
Bản Poọng	DC	xã Phú Lễ	H. Quan Hoá	20° 23' 02"	105° 08' 41"					F-48-91-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Pha Poọng	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 22' 42"	105° 09' 04"							F-48-91-A-b
Suối Poọng	TV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá			20° 24' 29"	105° 07' 46"	20° 22' 21"	105° 08' 13"			F-48-91-A-b, F-48-91-A-d
Pha Tam	SV	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 23' 12"	105° 07' 24"							F-48-91-A-a
bản Vĩnh Quang	DC	xã Phú Nghiêm	H. Quan Hoá	20° 24' 04"	105° 08' 09"							F-48-91-A-b
Pha Bau	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 30' 32"	104° 59' 45"							F-48-78-D
pha Bo Gòn	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 27' 58"	104° 57' 39"							F-48-90-B
núi Cha Thượng	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 28' 14"	104° 56' 38"							F-48-90-B
Bản Chiềng	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 31' 40"	105° 00' 20"							F-48-79-C-c
núi Chợ Lọc	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 28' 21"	104° 55' 49"							F-48-90-B
Pom Cối	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 29' 27"	104° 59' 01"							F-48-90-B
Pom Đê	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 28' 11"	104° 55' 34"							F-48-90-B
núi Hin Chông Pàn	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 28' 53"	104° 58' 45"							F-48-90-B
pu Hu Nọi	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 29' 38"	104° 52' 58"							F-48-90-B
Bản Khoa	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 29' 34"	104° 57' 43"							F-48-90-B
pom Lương En	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 32' 09"	105° 00' 24"							F-48-79-C-c
Sông Mã	TV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"			F-48-79-C-c
pòm Mang Khủng	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 32' 48"	104° 58' 02"							F-48-78-D
Bản Ôn	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 31' 31"	104° 59' 44"							F-48-78-D
Suối Ôn	TV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá			20° 31' 33"	104° 59' 38"	20° 31' 53"	105° 01' 05"			F-48-79-C-c, F-48-78-D
suối Pàn Pin	TV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá			20° 30' 50"	105° 01' 01"	20° 30' 59"	105° 01' 26"			F-48-79-C-c
Pha Phứa	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 30' 47"	105° 01' 19"							F-48-79-C-c
bản Suối Tôn	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 29' 14"	104° 57' 56"							F-48-90-B
bản Tai Giác	DC	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 31' 16"	104° 58' 37"							F-48-78-D
pom Thám Púng	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 32' 41"	104° 57' 35"							F-48-78-D
Pha Thơn	SV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá	20° 30' 54"	105° 00' 00"							F-48-78-D
Suối Tra	TV	xã Phú Sơn	H. Quan Hoá			20° 31' 38"	104° 57' 32"	20° 31' 11"	104° 58' 16"			F-48-78-D
quốc lộ 15A	KX	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"			F-48-79-C-c
quốc lộ 15C	KX	xã Phú Thanh	H. Quan Hoá			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"			F-48-79-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
núi Buốc Pát	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 33' 28"	105° 02' 38"						F-48-79-C-c	
pom Buốc Trạng	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 35' 41"	104° 58' 391						F-48-78-D	
Huối Cài	TV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá			20° 35' 48"	104° 57' 36"	20° 34' 52"	104° 57' 29"		F-48-78-D	
pha Càng Cúp	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 32' 35"	105° 01' 36"						F-48-79-C-c	
Bản Chằng	DC	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 32' 44"	105° 00' 54"						F-48-79-C-c	
núi Co Đénh	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 32' 53"	105° 02' 04"						F-48-79-C-c	
huối Đen Mường	TV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá			20° 34' 12"	104° 57' 22"	20° 34' 49"	104° 57' 29"		F-48-78-D	
Bản Đỏ	DC	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 33' 09"	105° 01' 10"						F-48-79-C-c	
Bản En	DC	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 34' 28"	104° 59' 17"						F-48-78-D	
pom Lương En	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 32' 09"	105° 00' 24"						F-48-79-C-c	
Sông Mã	TV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"		F-48-79-C-c, F-48-78-D	
pòm Mang Khủng	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 32' 48"	104° 58' 02"						F-48-78-D	
pom Mỏ Tôm	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 33' 25"	105° 00' 32"						F-48-79-C-c	
Pha Nọi	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 32' 41"	105° 01' 20"						F-48-79-C-c	
Huối Nung	TV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá			20° 32' 42"	104° 59' 20"	20° 33' 26"	105° 00' 00"		F-48-79-C-c	
núi Pa Co	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 33' 05"	105° 02' 19"						F-48-79-C-c	
Bản Páng	DC	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 33' 28"	105° 00' 59"						F-48-79-C-c	
Huối Páng	TV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá			20° 33' 26"	105° 00' 00"	20° 33' 50"	105° 00' 58"		F-48-79-C-c	
pòm Pha Khao	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 36' 29"	104° 57' 35"						F-48-78-D	
pom Pha Lòong	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 33' 43"	105° 03' 03"						F-48-79-C-c	
pom Pha Uôn	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 35' 31"	104° 58' 10"						F-48-78-D	
Huối Quyên	TV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá			20° 35' 31"	104° 58' 56"	20° 34' 32"	104° 58' 39"		F-48-78-D	
núi Ruồi Bá	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 32' 40"	105° 01' 48"						F-48-79-C-c	
Pom Soi	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 34' 03"	104° 57' 24"						F-48-78-D	
pom Thám Púng	SV	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 32' 41"	104° 57' 35"						F-48-78-D	
bản Trung Tân	DC	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 32' 56"	105° 01' 36"						F-48-79-C-c	
Bản Uôn	DC	xã Phú Thạnh	H. Quan Hoá	20° 34' 39"	104° 58' 31"						F-48-78-D	
quốc lộ 15A	KX	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"		F-48-79-C-c, F-48-91-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
Bản Bá	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 25"	105° 01' 47"						F-48-91-A-a	
Suối Bái	TV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá			20° 31' 31"	105° 01' 37"	20° 31' 16"	105° 01' 23"		F-48-79-C-c	
Pha Bàu	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 30' 32"	104° 59' 45"						F-48-78-D	
pom Co Lềm	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 31' 31"	105° 02' 19"						F-48-79-C-c	
suối Co Sán	TV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá			20° 28' 54"	105° 01' 41"	20° 28' 56"	105° 01' 55"		F-48-91-A-a	
Pom Cội	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 16"	105° 00' 01"						F-48-91-A-a	
núi Hang Tạng	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 01"	105° 00' 59"						F-48-91-A-a	
Sông Mã	TV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"		F-48-91-A-a, F-48-79-C-c	
Bản Mí	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 30' 03"	105° 01' 17"						F-48-79-C-c	
Bản Mỏ	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 30' 30"	105° 01' 45"						F-48-79-C-c	
thảm Pá Co	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 30' 30"	105° 03' 08"						F-48-79-C-c	
pom Pá Hịa	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 31' 27"	105° 02' 41"						F-48-79-C-c	
Bản Pan	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 28"	105° 01' 58"						F-48-91-A-a	
núi Pha Lọc	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 16"	105° 03' 30"						F-48-91-A-a	
núi Pha Mường Khồng	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 10"	105° 04' 46"						F-48-91-A-a	
Bản Phé	DC	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 52"	105° 01' 38"						F-48-91-A-a	
Pha Phứa	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 30' 47"	105° 01' 19"						F-48-79-C-c	
Pha Thơn	SV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá	20° 30' 54"	105° 00' 00"						F-48-78-D	
Suối U	TV	xã Phú Xuân	H. Quan Hoá			20° 29' 09"	105° 02' 24"	20° 29' 04"	105° 01' 59"		F-48-91-A-a	
Bản Bai	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 35' 41"	104° 55' 50"						F-48-78-D	
Huổi Bai	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá			20° 36' 25"	104° 55' 41"	20° 35' 29"	104° 56' 02"		F-48-78-D	
Huổi Bó	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá			20° 37' 08"	104° 53' 46"	20° 36' 12"	104° 52' 52"		F-48-78-D	
Bản Bưóc	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 13"	104° 55' 36"						F-48-78-D	
Huổi Cài	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá			20° 35' 48"	104° 57' 36"	20° 34' 52"	104° 57' 29"		F-48-78-D	
bản Chiềng Yên	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 35' 23"	104° 54' 31"						F-48-78-D	
pom Co Dó	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 39' 13"	104° 55' 28"						F-48-78-D	
pu Đông Khoang	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 39' 34"	104° 55' 01"						F-48-78-D	
Sông Mã	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"		F-48-78-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Nam Thành	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 35' 16"	104° 54' 41"					F-48-78-D
pu Pa Sác	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 43"	104° 52' 42"					F-48-78-D
pom Pha Chon	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 57"	104° 55' 03"					F-48-78-D
pom Pha Đanh	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 35' 31"	104° 55' 15"					F-48-78-D
pom Pha Khao	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 36' 29"	104° 57' 35"					F-48-78-D
pom Pha Làng	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 39"	104° 56' 02"					F-48-78-D
Bản Pu	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 28"	104° 56' 36"					F-48-78-D
Huổi Pu	TV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá			20° 39' 54"	104° 53' 51"	20° 34' 38"	104° 56' 10"	F-48-78-D
pom Pù Chon	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 40"	104° 56' 39"					F-48-78-D
pom Pù Hóc	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 40' 15"	104° 53' 15"					F-48-78-D
pom Pù Sung	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 15"	104° 54' 29"					F-48-78-D
Cảng Pượn	SV	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 55"	104° 53' 05"					F-48-78-D
bản Sơn Thành	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 34' 34"	104° 56' 01"					F-48-78-D
bản Tân Hương	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 34' 56"	104° 56' 45"					F-48-78-D
bản Thành Tân	DC	xã Thành Sơn	H. Quan Hoá	20° 35' 52"	104° 54' 20"					F-48-78-D
quốc lộ 15A	KX	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-a
pha Bo Ngón	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 58"	104° 57' 39"					F-48-90-B
Pu Bưởi	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 01"	104° 58' 16"					F-48-90-B
núi Chom Lénh	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 23"	104° 57' 34"					F-48-90-B
suối Co Sán	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 28' 54"	105° 01' 41"	20° 28' 56"	105° 01' 55"	F-48-91-A-a
Pom Côi	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 27"	104° 59' 01"					F-48-90-B
Pom Cội	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 29' 16"	104° 00' 01"					F-48-91-A-a
suối Cơm Hạo	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 27' 08"	105° 03' 58"	20° 26' 50"	105° 03' 04"	F-48-91-A-a
Suối Cú	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 28' 48"	105° 02' 20"	20° 28' 49"	105° 01' 59"	F-48-91-A-a
núi Đông Chu Dưới	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 33"	105° 02' 47"					F-48-91-A-a
núi Đông Chu Trên	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 07"	105° 02' 41"					F-48-91-A-a
núi Đông Láng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 25' 06"	105° 00' 21"					F-48-91-A-a
núi Đông Vòng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 26' 07"	105° 02' 41"					F-48-91-A-a
Bản Éo	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá	20° 27' 58"	105° 02' 11"					F-48-91-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối						
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
Suối Éo	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 26' 33"	105° 03' 07"			20° 27' 39"	105° 04' 16"	20° 27' 45"	105° 01' 48"	F-48-91-A-a
Bản Giá	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá											F-48-91-A-a
Suối Giá	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá							20° 26' 20"	104° 58' 59"	20° 26' 39"	105° 03' 07"	F-48-90-B, F-48-91-A-a
Pha Giang	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 27' 23"	105° 04' 20"							F-48-91-A-a
núi Hang Tăng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 29' 01"	105° 00' 59"							F-48-91-A-a
núi Hìn Chông Pàn	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 28' 53"	104° 58' 45"							F-48-90-B
Pu Kha	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 24' 21"	104° 59' 24"							F-48-90-B
Pu Ky	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 28' 00"	105° 00' 38"							F-48-91-A-a
Suối Lót	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá							20° 27' 12"	105° 01' 05"	20° 27' 36"	105° 01' 44"	F-48-91-A-a
Sông Mã	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá							20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-a
Pu Mai	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 24' 47"	104° 58' 49"							F-48-90-B
Pu Ngựa	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 27' 21"	105° 03' 33"							F-48-91-A-a
Pu Ông	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 25' 29"	105° 01' 23"							F-48-91-A-a
Pu Pàn	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 24' 38"	105° 00' 23"							F-48-91-A-a
núi Pha Mường Khổng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 29' 10"	105° 04' 46"							F-48-91-A-a
pu Pha Phong	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 28' 27"	105° 05' 21"							F-48-91-A-a
Pu Púng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 26' 06"	105° 02' 02"							F-48-91-A-a
Pu Púng	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 25' 40"	105° 02' 12"							F-48-91-A-a
Pu Pươi	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 26' 33"	104° 59' 17"							F-48-90-B
bản Sa Lắng	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 27' 32"	105° 01' 44"							F-48-91-A-a
bản Tân Sơn	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 27' 46"	105° 03' 27"							F-48-91-A-a
núi Tàng Tầm	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 24' 09"	105° 00' 43"							F-48-91-A-a
bản Thu Đông	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 29' 06"	105° 02' 10"							F-48-91-A-a
Suối U	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá							20° 29' 09"	105° 02' 24"	20° 29' 04"	105° 01' 59"	F-48-91-A-a
Bản Vui	DC	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 27' 39"	105° 00' 03"							F-48-91-A-a
Suối Vui	TV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá							20° 27' 37"	104° 58' 59"	20° 28' 23"	105° 01' 59"	F-48-90-B, F-48-91-A-a
Núi Xôm	SV	xã Thanh Xuân	H. Quan Hoá			20° 26' 44"	104° 58' 10"							F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
đường tỉnh 520	KX	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá			20° 23' 42"	105° 05' 13"	20° 31' 59"	104° 29' 09"	F-48-90-B		
Suối Cang	TV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá			20° 22' 38"	104° 49' 03"	20° 23' 49"	104° 53' 42"	F-48-90-B		
núi Căng Phô	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 24' 10"	104° 56' 06"					F-48-90-B		
Bản Chong	DC	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 23' 53"	104° 53' 53"					F-48-90-B		
Bản Dới	DC	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 23' 01"	104° 55' 17"					F-48-90-B		
Pha Đứng	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 22' 24"	104° 54' 30"					F-48-90-B		
Bản Giỏi	DC	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 22' 44"	104° 50' 18"					F-48-90-B		
Bản Hàm	DC	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 23' 15"	104° 51' 58"					F-48-90-B		
Bản Háng	DC	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 22' 56"	104° 52' 11"					F-48-90-B		
pom Keo Cốc	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 23' 54"	104° 56' 12"					F-48-90-B		
Pha Khao	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 24' 58"	104° 54' 03"					F-48-90-B		
Suối Khiết	TV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá			20° 24' 30"	104° 43' 03"	20° 22' 18"	104° 55' 38"	F-48-90-B		
Pom Khoai	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 24' 21"	104° 50' 16"					F-48-90-B		
Bản Lót	DC	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 23' 13"	104° 50' 46"					F-48-90-B		
Pu Mỏ	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 24' 17"	104° 51' 03"					F-48-90-B		
pom Mực Ngách	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 22' 09"	104° 51' 44"					F-48-90-B		
hang Nàng Mọm	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 48"	104° 49' 17"					F-48-90-B		
Bản Nhụng	DC	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 23' 03"	104° 52' 59"					F-48-90-B		
Pha Nhụng	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 24' 18"	104° 54' 59"					F-48-90-B		
Pu Ôi	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 23' 24"	104° 48' 24"					F-48-90-B		
pom Pù Ro	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 23' 12"	104° 49' 55"					F-48-90-B		
pom Pù Sung	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 24' 22"	104° 51' 55"					F-48-90-B		
bản Sài 1	DC	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 23' 33"	104° 54' 51"					F-48-90-B		
bản Sài 2	DC	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 23' 41"	104° 54' 32"					F-48-90-B		
pom Sân Đen Đin	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 23' 00"	104° 54' 43"					F-48-90-B		
Bản Sáng	DC	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 24' 16"	104° 53' 02"					F-48-90-B		
Pu Tác	SV	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 23' 10"	104° 55' 37"					F-48-90-B		
bản Thành Long	DC	xã Thiên Phú	H. Quan Hoá	20° 23' 59"	104° 53' 33"					F-48-90-B		
tên A Ứng	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 35' 22"	104° 50' 46"					F-48-78-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Pom Biêng	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 36' 33"	104° 48' 09"					F-48-78-D
Bản Bó	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 36' 41"	104° 53' 00"					F-48-78-D
Huổi Bó	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 37' 08"	104° 53' 46"	20° 36' 12"	104° 52' 52"	F-48-78-D
Bản Chiềng	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 36' 19"	104° 51' 21"					F-48-78-D
bản Co Me	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 36' 53"	104° 50' 42"					F-48-78-D
Suối Con	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 37' 13"	104° 47' 46"	20° 37' 56"	104° 48' 36"	F-48-78-D
Pu Hu	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 33' 46"	104° 52' 20"					F-48-78-D
Pha Khao	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 07"	104° 49' 37"					F-48-78-D
Suối Lượng	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 34' 13"	104° 51' 07"	20° 35' 05"	104° 49' 44"	F-48-78-D
Sông Mã	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-D
cảng Nà Bá	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 39' 06"	104° 50' 39"					F-48-78-D
pu Pa Sác	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 43"	104° 52' 42"					F-48-78-D
Bản Pạo	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 36' 38"	104° 51' 36"					F-48-78-D
Suối Pạo	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 38' 18"	104° 53' 13"	20° 36' 31"	104° 51' 32"	F-48-78-D
Suối Phang	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 35' 18"	104° 48' 47"	20° 35' 10"	104° 49' 44"	F-48-78-D
Cảng Pỏi	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 20"	104° 52' 14"					F-48-78-D
Suối Pỏi	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 38' 56"	104° 51' 43"	20° 37' 14"	104° 49' 33"	F-48-78-D
pom Pù Hóc	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 40' 15"	104° 53' 15"					F-48-78-D
pom Pù Hu	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 32"	104° 53' 12"					F-48-78-D
pom Pù Sung	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 15"	104° 54' 29"					F-48-78-D
Bản Pượn	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 12"	104° 52' 59"					F-48-78-D
Cảng Pượn	SV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 38' 55"	104° 53' 05"					F-48-78-D
Suối Quanh	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá	20° 37' 19"	104° 50' 06"			20° 36' 18"	104° 49' 52"	F-48-78-D
bản Ta Bán	DC	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá			20° 35' 50"	104° 51' 43"	20° 36' 24"	104° 51' 29"	F-48-78-D
Suối Tầm	TV	xã Trung Sơn	H. Quan Hoá							F-48-78-D
bản Bốc Hiêng	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 32' 50"	104° 55' 13"					F-48-78-D
Bản Cá	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 33' 30"	104° 55' 02"					F-48-78-D
Huổi Cá	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá			20° 32' 46"	104° 56' 49"	20° 33' 32"	104° 55' 16"	F-48-78-D
Bản Chiềng	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 34' 11"	104° 55' 36"					F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Huổi Cú	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá					20° 34' 58"	104° 52' 48"	20° 35' 49"	104° 53' 31"	F-48-78-D
huổi Đen Mường	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá					20° 34' 12"	104° 57' 22"	20° 34' 49"	104° 57' 29"	F-48-78-D
Pu Hu	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 33' 46"	104° 52' 20"							F-48-78-D
pu Hu Luông	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 29' 53"	104° 52' 08"							F-48-90-B
pu Hu Nọi	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 29' 38"	104° 52' 58"							F-48-90-B
Huổi Long	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá					20° 33' 00"	104° 52' 26"	20° 33' 10"	104° 54' 52"	F-48-78-D
Sông Mã	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá					20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-78-D
Huổi Nánh	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá					20° 34' 19"	104° 53' 38"	20° 35' 33"	104° 54' 00"	F-48-78-D
Bản Phai	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 34' 21"	104° 56' 13"							F-48-78-D
Huổi Phai	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá					20° 33' 40"	104° 56' 46"	20° 34' 35"	104° 56' 17"	F-48-78-D
Huổi Quýt	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá					20° 30' 58"	104° 54' 30"	20° 34' 22"	104° 55' 43"	F-48-78-D
Huổi Sang	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá					20° 30' 54"	104° 53' 06"	20° 31' 39"	104° 55' 01"	F-48-78-D
Bản Say	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 35' 47"	104° 52' 56"							F-48-78-D
Pom Soi	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 34' 03"	104° 57' 24"							F-48-78-D
Bản Tang	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 35' 02"	104° 54' 25"							F-48-78-D
Huổi Tang	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá					20° 34' 16"	104° 54' 07"	20° 35' 16"	104° 54' 25"	F-48-78-D
pom Thám Púng	SV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 32' 41"	104° 57' 35"							F-48-78-D
Huổi Tím	TV	xã Trung Thành	H. Quan Hoá					20° 35' 33"	104° 52' 34"	20° 36' 01"	104° 53' 02"	F-48-78-D
bản Trung Lập	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 32' 03"	104° 55' 15"							F-48-78-D
bản Trung Tám	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 32' 36"	104° 54' 54"							F-48-78-D
bản Trung Thắng	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 33' 07"	104° 54' 49"							F-48-78-D
bản Trung Tiến	DC	xã Trung Thành	H. Quan Hoá	20° 33' 17"	104° 55' 30"							F-48-78-D
quốc lộ 15A	KX	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá					20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-c, F-48-91-A-d
Núi Cả	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 01"	105° 11' 11"							F-48-91-A-d
Bản Cang	DC	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 20' 20"	105° 09' 43"							F-48-91-A-d
Suối Cang	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá					20° 21' 11"	105° 10' 23"	20° 20' 13"	105° 10' 08"	F-48-91-A-d
Bản Chấm	DC	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 23"	105° 08' 44"							F-48-91-A-d
Huổi Chấm	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá					20° 21' 06"	105° 08' 24"	20° 21' 08"	105° 08' 49"	F-48-91-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Huổi Cối	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá					20° 21' 51"	105° 07' 48"	20° 22' 22"	105° 07' 48"	F-48-91-A-d
Bản Cối	DC	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 22' 14"	105° 07' 56"							F-48-91-A-d
núi Đa Bể	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 22' 07"	105° 09' 31"							F-48-91-A-d
Pha Đeng	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 33"	105° 09' 43"							F-48-91-A-d
Pha Đón	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 04"	105° 07' 08"							F-48-91-A-c
núi Hang Bang	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 20' 20"	105° 10' 53"							F-48-91-A-d
núi Hang Rơi	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 20' 35"	105° 10' 47"							F-48-91-A-d
núi Hin Hạc	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 49"	105° 09' 36"							F-48-91-A-d
Bản Khiêu	DC	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 52"	105° 07' 19"							F-48-91-A-c
Huổi Khiêu	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá			20° 20' 57"	105° 07' 30"	20° 21' 55"	105° 07' 12"			F-48-91-A-d, F-48-91-A-c
Sông Mã	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"			F-48-91-A-d, F-48-91-A-c
Huổi Mường	TV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá			20° 21' 31"	105° 08' 10"	20° 21' 38"	105° 08' 49"			F-48-91-A-d
cầu Na Sài	KX	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 22' 19"	105° 07' 26"							F-48-91-A-c
núi Pa Tén	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 22' 21"	105° 09' 33"							F-48-91-A-d
núi Pha Háng	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 20' 17"	105° 08' 01"							F-48-91-A-d
núi Pha Mò	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 49"	105° 06' 24"							F-48-91-A-c
Pha Phụ	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 32"	105° 06' 42"							F-48-91-A-c
dãy Tạng Tới	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 20' 09"	105° 08' 11"							F-48-91-A-d
núi Trang Nhạ	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 20' 40"	105° 07' 36"							F-48-91-A-d
pu Xam Mường	SV	xã Xuân Phú	H. Quan Hoá	20° 21' 15"	105° 10' 32"							F-48-91-A-d
khu 1	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 14' 54"	104° 56' 20"							F-48-90-D
khu 2	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 01"	104° 56' 24"							F-48-90-B
khu 3	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 13"	104° 56' 49"							F-48-90-B
khu 4	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 19"	104° 56' 42"							F-48-90-B
khu 5	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 34"	104° 56' 34"							F-48-90-B
khu 6	DC	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 46"	104° 56' 38"							F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 217	KX	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-(B,D)
núi Eo Hiên	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 57"	104° 55' 24"					F-48-90-B
Sông Lò	TV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-90-(B,D)
núi Pa Đưa	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 12"	104° 54' 38"					F-48-90-B
núi Pha Đen Đin	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 15' 30"	104° 57' 29"					F-48-90-B
núi Phòng Không	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 16' 37"	104° 56' 35"					F-48-90-B
núi Pù Sai	SV	TT. Quan Sơn	H. Quan Sơn	20° 16' 26"	104° 55' 30"					F-48-90-B
quốc lộ 217	KX	xã Mường Min	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-(A,B)
Bản Bơn	DC	xã Mường Min	H. Quan Sơn	20° 17' 33"	104° 45' 00"					F-48-90-A
Huổi Bổng	TV	xã Mường Min	H. Quan Sơn			20° 16' 38"	104° 42' 33"	20° 17' 14"	104° 45' 00"	F-48-90-A
suối Chà Khót	TV	xã Mường Min	H. Quan Sơn			20° 14' 06"	104° 40' 34"	20° 15' 09"	104° 38' 42"	F-48-90-C
Bản Chiềng	DC	xã Mường Min	H. Quan Sơn	20° 16' 41"	104° 45' 29"					F-48-90-B
Huổi Én	TV	xã Mường Min	H. Quan Sơn			20° 15' 14"	104° 42' 04"	20° 16' 20"	104° 45' 04"	F-48-90-A
Huổi Hặc	TV	xã Mường Min	H. Quan Sơn			20° 13' 19"	104° 46' 39"	20° 14' 23"	104° 44' 37"	F-48-90-C, F-48-90-D
Pha Hen	SV	xã Mường Min	H. Quan Sơn	20° 18' 08"	104° 45' 54"					F-48-90-B
núi Keo Len	SV	xã Mường Min	H. Quan Sơn	20° 16' 54"	104° 42' 11"					F-48-90-A
bản Luốc Lầu	DC	xã Mường Min	H. Quan Sơn	20° 16' 38"	104° 45' 11"					F-48-90-B
Sông Luồng	TV	xã Mường Min	H. Quan Sơn			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-90-A, F-48-90-B
Bản Min	DC	xã Mường Min	H. Quan Sơn	20° 15' 58"	104° 44' 53"					F-48-90-A
núi Pha Lon	SV	xã Mường Min	H. Quan Sơn	20° 18' 23"	104° 48' 09"					F-48-90-B
núi Pha Rùa	SV	xã Mường Min	H. Quan Sơn	20° 18' 18"	104° 44' 10"					F-48-90-A
núi Pù Cút	SV	xã Mường Min	H. Quan Sơn	20° 14' 48"	104° 40' 48"					F-48-90-C
núi Pù Páo	SV	xã Mường Min	H. Quan Sơn	20° 14' 38"	104° 40' 12"					F-48-90-C
núi Pù Xá Lầy	SV	xã Mường Min	H. Quan Sơn	20° 12' 05"	104° 46' 01"					F-48-90-D
Bản Yên	DC	xã Mường Min	H. Quan Sơn	20° 14' 16"	104° 44' 24"					F-48-90-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Yên	TV	xã Mường Mìn	H. Quan Sơn					20° 13' 39"	104° 40' 12"	20° 16' 48"	104° 45' 45"	F-48-90-C
quốc lộ 217	KX	xã Na Mèo	H. Quan Sơn					19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-A
Bản Bo	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 46"	104° 41' 53"							F-48-90-A
Suối Bu (Pủ)	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn					20° 18' 34"	104° 39' 57"	20° 17' 54"	104° 38' 17"	F-48-90-A
Suối Cối	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn					20° 16' 00"	104° 37' 43"	20° 17' 18"	104° 38' 54"	F-48-90-A
bản Cha Khót	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 15' 01"	104° 38' 28"							F-48-90-A
suối Chà Khót	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn					20° 14' 06"	104° 40' 34"	20° 15' 09"	104° 38' 42"	F-48-90-A, F-48-90-C
bản Ché Lầu	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 21' 17"	104° 40' 01"							F-48-90-A
Bản Hiêng	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 47"	104° 41' 17"							F-48-90-A
núi Keo Cánh	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 18' 37"	104° 40' 55"							F-48-90-A
núi Kéo Len	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 16' 54"	104° 42' 11"							F-48-90-A
Suối Khâm	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn					20° 17' 10"	104° 37' 34"	20° 17' 56"	104° 37' 16"	F-48-90-A
đội Km 76	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 16' 33"	104° 41' 56"							F-48-90-A
bản Km 83	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 27"	104° 39' 07"							F-48-90-A
đội Km 84	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 26"	104° 38' 53"							F-48-90-A
Sông Luông	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn					20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"	F-48-90-A
bản Na Mèo	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 59"	104° 37' 34"							F-48-90-A
cửa khẩu Na Mèo	KX	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 48"	104° 37' 08"							F-48-90-A
bản Na Poọng	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 16' 35"	104° 39' 47"							F-48-90-A
suối Nậm Sỏi	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn					20° 16' 29"	104° 36' 32"	20° 17' 51"	104° 37' 08"	F-48-90-A
núi Pha Bo	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 18' 20"	104° 42' 18"							F-48-90-A
núi Pha Sắn	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 18' 21"	104° 40' 19"							F-48-90-A
núi Pù Cút	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 14' 48"	104° 40' 48"							F-48-90-C
núi Pù Páo	SV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 14' 38"	104° 40' 12"							F-48-90-C
Suối Pun	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn					20° 19' 11"	104° 37' 48"	20° 18' 17"	104° 37' 37"	F-48-90-A
bản Sa Ná	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 19' 01"	104° 41' 10"							F-48-90-A
Bản Sơn	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 19' 27"	104° 40' 26"							F-48-90-A
Suối Sơn	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn					20° 22' 13"	104° 37' 46"	20° 18' 08"	104° 41' 17"	F-48-90-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ		Kinh độ		Vĩ độ		Kinh độ		
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
bản Sộp Huổi	DC	xã Na Mèo	H. Quan Sơn	20° 17' 28"	104° 40' 26"							F-48-90-A
huổi Ta Nguơn	TV	xã Na Mèo	H. Quan Sơn					20° 21' 23"	104° 36' 51"	20° 18' 01"	104° 36' 58"	F-48-90-A
quốc lộ 217	KX	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn					19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-B
Bản Ban	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 26"	104° 48' 58"							F-48-90-B
Bản Bùn	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 31"	104° 49' 42"							F-48-90-B
Suối Cỏi	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn					20° 14' 05"	104° 47' 46"	20° 14' 59"	104° 47' 38"	F-48-90-D
Huổi Hặc	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn					20° 13' 19"	104° 46' 39"	20° 14' 23"	104° 44' 37"	F-48-90- (A,B,C,D)
eo Len Mường	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 27"	104° 51' 31"							F-48-90-B
suối Long Na	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn					20° 14' 09"	104° 49' 12"	20° 15' 28"	104° 48' 14"	F-48-90-B, F-48-90-D
Sông Luồng	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn									F-48-90-B
bản Na Hồ	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 18' 12"	104° 50' 42"							F-48-90-B
bản Na Lọc	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 27"	104° 47' 10"							F-48-90-B
bản Na Nghiu	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 36"	104° 46' 59"							F-48-90-B
bản Na Phường	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 19' 12"	104° 50' 06"							F-48-90-B
Bản Ngâm	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 59"	104° 48' 18"							F-48-90-B
Bản Nhài	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 33"	104° 46' 23"							F-48-90-B
núi Pa Sắn	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 20' 27"	104° 48' 50"							F-48-90-B
núi Pha Lon	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 18' 23"	104° 48' 09"							F-48-90-B
núi Pha Phan	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 18' 54"	104° 52' 16"							F-48-90-B
núi Pha Yéc	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 13' 58"	104° 49' 52"							F-48-90-D
núi Pu Báo	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 15' 30"	104° 50' 02"							F-48-90-B
núi Pu Ngòi	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 15' 58"	104° 51' 29"							F-48-90-B
núi Pù Xà Lầy	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 12' 05"	104° 46' 01"							F-48-90-D
Bản Sủa	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 18' 45"	104° 50' 24"							F-48-90-B
bản Tân Sơn	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 16' 37"	104° 46' 19"							F-48-90-B
pu Tén Chông	SV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 13' 49"	104° 47' 42"							F-48-90-D
bản Xa Mang	DC	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn	20° 14' 54"	104° 47' 24"							F-48-90-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
suối Xa Mang	TV	xã Sơn Điện	H. Quan Sơn			20° 14' 32"	104° 45' 44"	20° 18' 10"	104° 50' 37"	F-48-90-D		
Bản Hạ	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 57"	104° 56' 20"					F-48-90-D		
Suối Hạ	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 10' 01"	104° 58' 23"	20° 14' 44"	104° 56' 13"	F-48-90-D		
núi Keo Lanh	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 02"	104° 56' 02"					F-48-90-D		
Suối Khoa	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 07' 46"	104° 57' 34"	20° 06' 45"	104° 58' 48"	F-48-90-D		
Bản Làng	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 14' 28"	104° 56' 28"					F-48-90-D		
Bản Lầu	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 17"	104° 57' 47"					F-48-90-D		
Sông Lò	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-90-D		
Pu Mẩn	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 14' 27"	105° 00' 22"					F-48-91-C		
Suối Mẩn	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 14' 17"	104° 58' 55"	20° 14' 29"	104° 56' 35"	F-48-90-D		
bản Nà Oí	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 30"	104° 56' 38"					F-48-90-D		
bản Nà Sáng	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 56"	104° 56' 53"					F-48-90-D		
núi Nhót Huổi Khà	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 15' 10"	104° 58' 26"					F-48-90-B		
núi Pha Han	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 14' 08"	104° 55' 02"					F-48-90-D		
núi Pha Hào	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 12' 21"	104° 57' 18"					F-48-90-D		
núi Pha Lanh	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 11' 41"	104° 55' 44"					F-48-90-D		
núi Pha Mè	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 11' 08"	104° 56' 06"					F-48-90-D		
núi Pha Muối	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 20"	104° 55' 48"					F-48-90-D		
núi Pha Ngâm	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 12' 40"	104° 55' 44"					F-48-90-D		
núi Pom Cơ No	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 09' 33"	104° 57' 36"					F-48-90-D		
núi Pù Lung Linh	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 08' 04"	104° 57' 47"					F-48-90-D		
núi Sấn Căng	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 13"	105° 00' 11"					F-48-91-C		
núi Sấn Pom Nua	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 13' 59"	104° 58' 01"					F-48-90-D		
pu Sơ Lát	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 05' 57"	104° 58' 26"					F-48-90-D		
pu Sừ Na Nọi	SV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 08' 20"	104° 59' 13"					F-48-90-D		
Suối Tái	TV	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn			20° 11' 17"	104° 57' 29"	20° 13' 52"	104° 56' 13"	F-48-90-D		
Bản Xum	DC	xã Sơn Hà	H. Quan Sơn	20° 11' 42"	104° 59' 06"					F-48-90-D		
quốc lộ 217	KX	xã Sơn Lự	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-(B,D)		